

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                   | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|--------------------------|-----------|---------|
| 1   | 10.1    | Nguyễn Ngọc Thúy An      | Nữ        |         |
| 2   | 10.1    | Bùi Ngọc Quỳnh Anh       | Nữ        |         |
| 3   | 10.1    | Bùi Văn Anh              | Nữ        |         |
| 4   | 10.1    | Trần Gia Bảo             | Nam       |         |
| 5   | 10.1    | Nguyễn Hoàng Bảo Bảo     | Nam       |         |
| 6   | 10.1    | Nguyễn Ngọc Bảo Châu     | Nam       |         |
| 7   | 10.1    | Nguyễn Thùy Dương        | Nữ        |         |
| 8   | 10.1    | Trần Thị Thu Giang       | Nữ        |         |
| 9   | 10.1    | Hoàng Lâm Hà             | Nữ        |         |
| 10  | 10.1    | Nguyễn Minh Hải          | Nam       |         |
| 11  | 10.1    | Trần Trịnh Gia Hân       | Nữ        |         |
| 12  | 10.1    | Nguyễn Thanh Hòa         | Nam       |         |
| 13  | 10.1    | Đinh Gia Huy             | Nam       |         |
| 14  | 10.1    | Nguyễn Khắc Huy          | Nam       |         |
| 15  | 10.1    | Mai Phúc Hưng            | Nam       |         |
| 16  | 10.1    | Huỳnh Đăng Khoa          | Nam       |         |
| 17  | 10.1    | Nguyễn Khắc Trung Kiên   | Nam       |         |
| 18  | 10.1    | Lê Minh Kỳ               | Nam       |         |
| 19  | 10.1    | Mã Khánh Linh            | Nữ        |         |
| 20  | 10.1    | Ninh Như Linh            | Nữ        |         |
| 21  | 10.1    | Trịnh Đình Đức Lợi       | Nam       |         |
| 22  | 10.1    | Trần Thị Bảo Minh        | Nữ        |         |
| 23  | 10.1    | Trần Nguyễn Phương Ngân  | Nữ        |         |
| 24  | 10.1    | Nguyễn Thị Kim Ngân      | Nữ        |         |
| 25  | 10.1    | Phạm Nguyễn Bảo Ngọc     | Nữ        |         |
| 26  | 10.1    | Lâm Bình Nguyên          | Nam       |         |
| 27  | 10.1    | Đoàn Thị Quỳnh Như       | Nữ        |         |
| 28  | 10.1    | Huỳnh Hiệp Phát          | Nam       |         |
| 29  | 10.1    | Lê Thái Phong            | Nam       |         |
| 30  | 10.1    | Trần Gia Phúc            | Nam       |         |
| 31  | 10.1    | Nguyễn Vương Hữu Phúc    | Nam       |         |
| 32  | 10.1    | Chu Gia Tấn              | Nam       |         |
| 33  | 10.1    | Đàm Lê Thanh             | Nam       |         |
| 34  | 10.1    | Nguyễn Anh Thư           | Nữ        |         |
| 35  | 10.1    | Trần Anh Thư             | Nữ        |         |
| 36  | 10.1    | Nguyễn Thị Thùy Trang    | Nữ        |         |
| 37  | 10.1    | Lê Thanh Minh Trí        | Nam       |         |
| 38  | 10.1    | Nguyễn Ngọc Phương Trinh | Nữ        |         |
| 39  | 10.1    | Nguyễn Quốc Trọng        | Nam       |         |
| 40  | 10.1    | Nguyễn Ngọc Thanh Trúc   | Nữ        |         |
| 41  | 10.1    | Nguyễn Hữu Tuấn          | Nam       |         |
| 42  | 10.1    | Phan Ngọc Uyên           | Nữ        |         |
| 43  | 10.1    | Đỗ Trần Minh Viên        | Nữ        |         |
| 44  | 10.1    | Nguyễn Hữu Vương         | Nam       |         |
| 45  | 10.1    | Võ Ngọc Khánh Vy         | Nữ        |         |
| 46  | 10.1    | Võ Thị Yến Vy            | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                  | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|-------------------------|-----------|---------|
| 1   | 10.2    | Sần Dịu An              | Nữ        |         |
| 2   | 10.2    | Nguyễn Ngọc Anh         | Nữ        |         |
| 3   | 10.2    | Nguyễn Tuấn Anh         | Nam       |         |
| 4   | 10.2    | Nguyễn Phạm Quốc Bảo    | Nam       |         |
| 5   | 10.2    | Nguyễn Văn Bảo          | Nam       |         |
| 6   | 10.2    | Phạm Ngọc Bích          | Nữ        |         |
| 7   | 10.2    | Nguyễn Ngọc Linh Chi    | Nữ        |         |
| 8   | 10.2    | Võ Trần Đình Duy        | Nam       |         |
| 9   | 10.2    | Hoàng Trần Gia Hân      | Nữ        |         |
| 10  | 10.2    | Lê Thanh Hiền           | Nữ        |         |
| 11  | 10.2    | Trương Thị Thu Hồng     | Nữ        |         |
| 12  | 10.2    | Nguyễn Hoàng Nhật Huy   | Nam       |         |
| 13  | 10.2    | Ngô Quang Khải          | Nam       |         |
| 14  | 10.2    | Nguyễn Duy Khánh        | Nam       |         |
| 15  | 10.2    | Nguyễn Phạm Minh Khoa   | Nam       |         |
| 16  | 10.2    | Lê Đức Kiên             | Nam       |         |
| 17  | 10.2    | Trần Hoàng Linh         | Nữ        |         |
| 18  | 10.2    | Nguyễn Hoàng Minh       | Nam       |         |
| 19  | 10.2    | Thái Đặng Trà My        | Nữ        |         |
| 20  | 10.2    | Trần Thị Kim Ngân       | Nữ        |         |
| 21  | 10.2    | Nguyễn Đình Nghĩa       | Nam       |         |
| 22  | 10.2    | Nguyễn Khánh Ngọc       | Nữ        |         |
| 23  | 10.2    | Nguyễn Đức Nguyên       | Nam       |         |
| 24  | 10.2    | Ngô Thị Thanh Nhân      | Nữ        |         |
| 25  | 10.2    | Lê Hoàng Nhân           | Nam       |         |
| 26  | 10.2    | Bùi Tiến Phát           | Nam       |         |
| 27  | 10.2    | Trương Minh Phong       | Nam       |         |
| 28  | 10.2    | Nguyễn Ngô Kỳ Phong     | Nam       |         |
| 29  | 10.2    | Thạch Ngọc Phúc         | Nam       |         |
| 30  | 10.2    | Nguyễn Khánh Phương     | Nữ        |         |
| 31  | 10.2    | Trần Quang              | Nam       |         |
| 32  | 10.2    | Nguyễn Trung Quý        | Nam       |         |
| 33  | 10.2    | Nguyễn Hoàng Mỹ Tâm     | Nữ        |         |
| 34  | 10.2    | Nguyễn Đình Thái        | Nam       |         |
| 35  | 10.2    | Trần Nguyễn Ngọc Thảo   | Nữ        |         |
| 36  | 10.2    | Nguyễn Gia Thịnh        | Nam       |         |
| 37  | 10.2    | Võ Phương Thúy          | Nữ        |         |
| 38  | 10.2    | Đỗ Hoàng Thư            | Nữ        |         |
| 39  | 10.2    | Võ Thụy Anh Thư         | Nữ        |         |
| 40  | 10.2    | Trần Cao Minh Tiến      | Nam       |         |
| 41  | 10.2    | Phan Văn Tính           | Nam       |         |
| 42  | 10.2    | Nguyễn Đoàn Huyền Trang | Nữ        |         |
| 43  | 10.2    | Lê Nguyễn Thanh Trúc    | Nữ        |         |
| 44  | 10.2    | Bùi Anh Tuấn            | Nam       |         |
| 45  | 10.2    | Nguyễn Kim Ý            | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|-----------------------|-----------|---------|
| 1   | 10.3    | Nguyễn Đông A         | Nam       |         |
| 2   | 10.3    | Ngũ Trường An         | Nam       |         |
| 3   | 10.3    | Nguyễn Minh Anh       | Nữ        |         |
| 4   | 10.3    | Trần Công Gia Bảo     | Nam       |         |
| 5   | 10.3    | Vũ Thiên Bảo          | Nam       |         |
| 6   | 10.3    | Trần Khánh Bằng       | Nữ        |         |
| 7   | 10.3    | Nguyễn Quang Bo       | Nam       |         |
| 8   | 10.3    | Hồ Minh Châu          | Nữ        |         |
| 9   | 10.3    | Nguyễn Hải Dương      | Nam       |         |
| 10  | 10.3    | Hoàng Thành Đạt       | Nam       |         |
| 11  | 10.3    | Lê Văn Đồng           | Nam       |         |
| 12  | 10.3    | Đào Ngọc Hà           | Nữ        |         |
| 13  | 10.3    | Chu Nguyễn Bảo Hân    | Nữ        |         |
| 14  | 10.3    | Chu Nguyễn Gia Hân    | Nữ        |         |
| 15  | 10.3    | Nguyễn Thanh Quốc Huy | Nam       |         |
| 16  | 10.3    | Từ Võ Nhất Huy        | Nam       |         |
| 17  | 10.3    | Nguyễn Huỳnh Hương    | Nữ        |         |
| 18  | 10.3    | Ngô Vũ Đăng Khoa      | Nam       |         |
| 19  | 10.3    | Vũ Đức Tiến Lâm       | Nam       |         |
| 20  | 10.3    | Chưóng Chánh Linh     | Nữ        |         |
| 21  | 10.3    | Vũ Thị Thùy Linh      | Nữ        |         |
| 22  | 10.3    | Trần Tấn Lộc          | Nam       |         |
| 23  | 10.3    | Nguyễn Thị Li Na      | Nữ        |         |
| 24  | 10.3    | Hoàng Thị Thu Ngân    | Nữ        |         |
| 25  | 10.3    | Đỗ Bích Ngọc          | Nữ        |         |
| 26  | 10.3    | Nguyễn Bá Trí Nhân    | Nam       |         |
| 27  | 10.3    | Bùi Tôn Minh Nhật     | Nam       |         |
| 28  | 10.3    | Nguyễn Thị Cẩm Nhung  | Nữ        |         |
| 29  | 10.3    | Phạm Quỳnh Như        | Nữ        |         |
| 30  | 10.3    | Nguyễn Đức Phát       | Nam       |         |
| 31  | 10.3    | Đỗ Huy Phát           | Nam       |         |
| 32  | 10.3    | Lã Hà Kiều Phương     | Nữ        |         |
| 33  | 10.3    | Nguyễn Sỹ Quang       | Nam       |         |
| 34  | 10.3    | Nguyễn Ngọc Như Quỳnh | Nữ        |         |
| 35  | 10.3    | Nguyễn Nhân Tài       | Nam       |         |
| 36  | 10.3    | Trần Trọng Thiên      | Nam       |         |
| 37  | 10.3    | Phạm Anh Thư          | Nữ        |         |
| 38  | 10.3    | Lò Khánh Thy          | Nữ        |         |
| 39  | 10.3    | Nguyễn Thành Tính     | Nam       |         |
| 40  | 10.3    | Lê Trọng Trí          | Nam       |         |
| 41  | 10.3    | Lê Thanh Trúc         | Nữ        |         |
| 42  | 10.3    | Dương Vũ Minh Tuấn    | Nam       |         |
| 43  | 10.3    | Nguyễn Lê Tường Vy    | Nữ        |         |
| 44  | 10.3    | Phạm Tuấn Vỹ          | Nam       |         |
| 45  | 10.3    | Bùi Hải Yến           | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                  | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|-------------------------|-----------|---------|
| 1   | 10.4    | Nguyễn Duy An           | Nam       |         |
| 2   | 10.4    | Nguyễn Huỳnh Trâm Anh   | Nữ        |         |
| 3   | 10.4    | Hà Quỳnh Anh            | Nữ        |         |
| 4   | 10.4    | Vòng Gia Bảo            | Nam       |         |
| 5   | 10.4    | Nguyễn Huỳnh Minh Cường | Nam       |         |
| 6   | 10.4    | Đinh Duy Danh           | Nam       |         |
| 7   | 10.4    | Nguyễn Ngọc Diệp        | Nữ        |         |
| 8   | 10.4    | Nguyễn Anh Dũng         | Nam       |         |
| 9   | 10.4    | Bùi Mỹ Duyên            | Nữ        |         |
| 10  | 10.4    | Đặng Nguyên Đức         | Nam       |         |
| 11  | 10.4    | Vũ Thị Trúc Hà          | Nữ        |         |
| 12  | 10.4    | Nguyễn Võ Chí Hào       | Nam       |         |
| 13  | 10.4    | Nguyễn Diệu Hiền        | Nữ        |         |
| 14  | 10.4    | Nguyễn Khắc Tiến Hùng   | Nam       |         |
| 15  | 10.4    | Nguyễn Đặng Gia Huy     | Nam       |         |
| 16  | 10.4    | Trần Minh Huy           | Nam       |         |
| 17  | 10.4    | Võ Chấn Hưng            | Nam       |         |
| 18  | 10.4    | Chung Gia Khiêm         | Nam       |         |
| 19  | 10.4    | Nguyễn Anh Kiệt         | Nam       |         |
| 20  | 10.4    | Nguyễn Huỳnh Thiên Kim  | Nữ        |         |
| 21  | 10.4    | Nguyễn Bá Lân           | Nam       |         |
| 22  | 10.4    | Lê Thị Thùy Linh        | Nữ        |         |
| 23  | 10.4    | Dương Hữu Lợi           | Nam       |         |
| 24  | 10.4    | Lê Đặng Trúc Mai        | Nữ        |         |
| 25  | 10.4    | Nguyễn Duy Minh         | Nam       |         |
| 26  | 10.4    | Danh Châu Sa My         | Nữ        |         |
| 27  | 10.4    | Nguyễn Trần Bảo Ngọc    | Nữ        |         |
| 28  | 10.4    | Nguyễn Khôi Nguyên      | Nam       |         |
| 29  | 10.4    | Nguyễn Võ Gia Nhi       | Nữ        |         |
| 30  | 10.4    | Nguyễn Hoàng Phi Nhung  | Nữ        |         |
| 31  | 10.4    | Võ Trọng Phúc           | Nam       |         |
| 32  | 10.4    | Lê Mai Phương           | Nữ        |         |
| 33  | 10.4    | Hồ Hào Quang            | Nam       |         |
| 34  | 10.4    | Phan Trường Quân        | Nam       |         |
| 35  | 10.4    | Tăng Thanh Thảo         | Nữ        |         |
| 36  | 10.4    | Bùi Thanh Thúy          | Nữ        |         |
| 37  | 10.4    | Nguyễn Phạm Anh Thư     | Nữ        |         |
| 38  | 10.4    | Lữ Thị Kim Thư          | Nữ        |         |
| 39  | 10.4    | Nguyễn Việt Tiến        | Nam       |         |
| 40  | 10.4    | Lê Ngọc Phương Trinh    | Nữ        |         |
| 41  | 10.4    | Nguyễn Hữu Trọng        | Nam       |         |
| 42  | 10.4    | Phùng Tuấn Tú           | Nam       |         |
| 43  | 10.4    | Nguyễn Thanh Tuấn       | Nam       |         |
| 44  | 10.4    | Nguyễn Ngọc Khánh Vy    | Nữ        |         |
| 45  | 10.4    | Vương Thị Tường Vy      | Nữ        |         |
| 46  | 10.4    | Nguyễn Ngọc Yên         | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|-----------------------|-----------|---------|
| 1   | 10.5    | Nguyễn Hoài An        | Nam       |         |
| 2   | 10.5    | Đặng Quỳnh Anh        | Nữ        |         |
| 3   | 10.5    | Nguyễn Việt Anh       | Nam       |         |
| 4   | 10.5    | Hoàng Gia Bảo         | Nam       |         |
| 5   | 10.5    | Trần Thành Danh       | Nam       |         |
| 6   | 10.5    | Lâm Khả Di            | Nữ        |         |
| 7   | 10.5    | Đặng Tuấn Dũng        | Nam       |         |
| 8   | 10.5    | Đỗ Vũ Bảo Duy         | Nam       |         |
| 9   | 10.5    | Trần Thành Đạt        | Nam       |         |
| 10  | 10.5    | Hồ Chí Đệ             | Nam       |         |
| 11  | 10.5    | Trương Tấn Đức        | Nam       |         |
| 12  | 10.5    | Nguyễn Trần Anh Hào   | Nam       |         |
| 13  | 10.5    | Nguyễn Ngọc Hân       | Nữ        |         |
| 14  | 10.5    | Nguyễn Minh Hoàng     | Nam       |         |
| 15  | 10.5    | Hồ Tấn Hưng           | Nam       |         |
| 16  | 10.5    | Bùi Thế Khải          | Nam       |         |
| 17  | 10.5    | Đoàn Bảo Khang        | Nam       |         |
| 18  | 10.5    | Nguyễn Anh Khoa       | Nam       |         |
| 19  | 10.5    | Đào Tuấn Kiệt         | Nam       |         |
| 20  | 10.5    | Đỗ Thiên Kim          | Nữ        |         |
| 21  | 10.5    | Nguyễn Hoàng Long     | Nam       |         |
| 22  | 10.5    | Trương Thảo Mi        | Nữ        |         |
| 23  | 10.5    | Hà My                 | Nữ        |         |
| 24  | 10.5    | Nguyễn Hoài Nam       | Nam       |         |
| 25  | 10.5    | Ngô Trần Kim Ngân     | Nữ        |         |
| 26  | 10.5    | Bùi Hiền Nhân         | Nữ        |         |
| 27  | 10.5    | Trần Đức Khánh Nhật   | Nam       |         |
| 28  | 10.5    | Huỳnh Thị Tuyết Nhi   | Nữ        |         |
| 29  | 10.5    | Hoàng Phúc            | Nam       |         |
| 30  | 10.5    | Hồ Lê Hoàng Phước     | Nam       |         |
| 31  | 10.5    | Nguyễn Minh Phương    | Nữ        |         |
| 32  | 10.5    | Nguyễn Ngọc Như Quỳnh | Nữ        |         |
| 33  | 10.5    | Bùi Nguyễn Thanh Sang | Nam       |         |
| 34  | 10.5    | Hồ Lê Hoàng Thịnh     | Nam       |         |
| 35  | 10.5    | Lê Kỳ Anh Thư         | Nữ        |         |
| 36  | 10.5    | Đinh Thị Thương       | Nữ        |         |
| 37  | 10.5    | Nguyễn Đặng Anh Thy   | Nữ        |         |
| 38  | 10.5    | Nguyễn Ngọc Bảo Thy   | Nữ        |         |
| 39  | 10.5    | Đoàn Minh Tiến        | Nam       |         |
| 40  | 10.5    | Trà Thị Thùy Trang    | Nữ        |         |
| 41  | 10.5    | Vũ Thị Thùy Trang     | Nữ        |         |
| 42  | 10.5    | Ong Quốc Tuấn         | Nam       |         |
| 43  | 10.5    | Bùi Phương Cát Tường  | Nữ        |         |
| 44  | 10.5    | Phạm Nguyễn Tường Vi  | Nữ        |         |
| 45  | 10.5    | Trần Trường Vinh      | Nam       |         |
| 46  | 10.5    | Trần Phương Vy        | Nữ        |         |
| 47  | 10.5    | Lâm Thị Ngọc Ý        | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                 | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|------------------------|-----------|---------|
| 1   | 10.6    | Hoàng Lê Bảo An        | Nam       |         |
| 2   | 10.6    | Dương Kỳ Anh           | Nam       |         |
| 3   | 10.6    | Nguyễn Ngọc Lan Anh    | Nữ        |         |
| 4   | 10.6    | Trần Thị Nhật Ánh      | Nữ        |         |
| 5   | 10.6    | Trần Gia Bảo           | Nam       |         |
| 6   | 10.6    | Huỳnh Thái Bảo         | Nam       |         |
| 7   | 10.6    | Nguyễn Hữu Danh        | Nam       |         |
| 8   | 10.6    | Trần Thị Mỹ Duyên      | Nữ        |         |
| 9   | 10.6    | Lưu Ngọc Anh Đạt       | Nam       |         |
| 10  | 10.6    | Trần Phương Đông       | Nam       |         |
| 11  | 10.6    | Trịnh Nguyễn Hà Giang  | Nữ        |         |
| 12  | 10.6    | Võ Quốc Hào            | Nam       |         |
| 13  | 10.6    | Phạm Gia Hiệp          | Nam       |         |
| 14  | 10.6    | Bùi Hoàng Hiếu         | Nam       |         |
| 15  | 10.6    | Lê Quang Mạnh Hùng     | Nam       |         |
| 16  | 10.6    | Nguyễn Hoàng Gia Huy   | Nam       |         |
| 17  | 10.6    | Nguyễn Lâm Bảo Khang   | Nam       |         |
| 18  | 10.6    | Huỳnh Đình Minh Khoa   | Nam       |         |
| 19  | 10.6    | Mai Đăng Khôi          | Nam       |         |
| 20  | 10.6    | Lê Nguyễn Trúc Lam     | Nữ        |         |
| 21  | 10.6    | Nguyễn Bảo Long        | Nam       |         |
| 22  | 10.6    | Đặng Phan Hồng Lợi     | Nữ        |         |
| 23  | 10.6    | Mai Khánh Ly           | Nữ        |         |
| 24  | 10.6    | Lê Thị Hoàng My        | Nữ        |         |
| 25  | 10.6    | Nguyễn Thị Hoàn Mỹ     | Nữ        |         |
| 26  | 10.6    | Lê Hoàng Nam           | Nam       |         |
| 27  | 10.6    | Phạm Khánh Ngân        | Nữ        |         |
| 28  | 10.6    | Nguyễn Khánh Ngọc      | Nữ        |         |
| 29  | 10.6    | Huỳnh Trúc Nhi         | Nữ        |         |
| 30  | 10.6    | Nguyễn Đình Bảo Phúc   | Nam       |         |
| 31  | 10.6    | Nguyễn Hoàng Phước     | Nam       |         |
| 32  | 10.6    | Hoàng Minh Quân        | Nam       |         |
| 33  | 10.6    | Nguyễn Ngọc Diễm Quỳnh | Nữ        |         |
| 34  | 10.6    | Nguyễn Ngọc Như Quỳnh  | Nữ        |         |
| 35  | 10.6    | Trần Phú Sang          | Nam       |         |
| 36  | 10.6    | Phạm Minh Sáng         | Nam       |         |
| 37  | 10.6    | Hoàng Minh Thái        | Nam       |         |
| 38  | 10.6    | Nguyễn Nhật Thiên      | Nam       |         |
| 39  | 10.6    | Nguyễn Thành Thông     | Nam       |         |
| 40  | 10.6    | Nguyễn Triệu Kỳ Thu    | Nữ        |         |
| 41  | 10.6    | Phạm Hồ Ngọc Trang     | Nữ        |         |
| 42  | 10.6    | Phạm Thùy Trang        | Nữ        |         |
| 43  | 10.6    | Văn Bảo Trân           | Nữ        |         |
| 44  | 10.6    | Bùi Thị Diễm Trinh     | Nữ        |         |
| 45  | 10.6    | Nguyễn Khả Hoa Vy      | Nữ        |         |
| 46  | 10.6    | Nguyễn Ngọc Tường Vy   | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|-----------------------|-----------|---------|
| 1   | 10.7    | Lê Đỗ Tuấn Anh        | Nam       |         |
| 2   | 10.7    | Lê Đức Tuấn Anh       | Nam       |         |
| 3   | 10.7    | Phạm Ngọc Anh         | Nữ        |         |
| 4   | 10.7    | Nguyễn Gia Bảo        | Nam       |         |
| 5   | 10.7    | Trần Gia Bảo          | Nam       |         |
| 6   | 10.7    | Nguyễn Ngọc Gia Bảo   | Nam       |         |
| 7   | 10.7    | Nguyễn Thanh Bình     | Nam       |         |
| 8   | 10.7    | Nguyễn Thị Kim Châu   | Nữ        |         |
| 9   | 10.7    | Huỳnh Anh Duy         | Nam       |         |
| 10  | 10.7    | Huỳnh Phước Đạt       | Nam       |         |
| 11  | 10.7    | Hoàng Nhật Hạ         | Nữ        |         |
| 12  | 10.7    | Lã Vũ Gia Hân         | Nữ        |         |
| 13  | 10.7    | Bùi Trọng Hiếu        | Nam       |         |
| 14  | 10.7    | Phạm Thái Bách Hợp    | Nữ        |         |
| 15  | 10.7    | Võ Quang Huy          | Nam       |         |
| 16  | 10.7    | Nguyễn Huỳnh Hương    | Nữ        |         |
| 17  | 10.7    | Nguyễn Duy Kan        | Nam       |         |
| 18  | 10.7    | Nguyễn Tuấn Khang     | Nam       |         |
| 19  | 10.7    | Nguyễn Hoàng Anh Kiệt | Nam       |         |
| 20  | 10.7    | Trần Thiên Kim        | Nữ        |         |
| 21  | 10.7    | Hoàng Ngọc Linh       | Nữ        |         |
| 22  | 10.7    | Trần Gia Long         | Nam       |         |
| 23  | 10.7    | Huỳnh Hoàng My        | Nữ        |         |
| 24  | 10.7    | Lê Đoàn Phương Nam    | Nam       |         |
| 25  | 10.7    | Huỳnh Thanh Ngân      | Nữ        |         |
| 26  | 10.7    | Lê Trần Bảo Ngân      | Nữ        |         |
| 27  | 10.7    | Lê Hữu Nghĩa          | Nam       |         |
| 28  | 10.7    | Phạm Thị Yến Nhi      | Nữ        |         |
| 29  | 10.7    | Đỗ Hải Như            | Nam       |         |
| 30  | 10.7    | Nguyễn Minh Nhựt      | Nam       |         |
| 31  | 10.7    | Đinh Gia Phước        | Nam       |         |
| 32  | 10.7    | Trần Minh Quang       | Nam       |         |
| 33  | 10.7    | Nguyễn Thành Tài      | Nam       |         |
| 34  | 10.7    | Lê Chí Thiện          | Nam       |         |
| 35  | 10.7    | Lê Minh Thư           | Nữ        |         |
| 36  | 10.7    | Trương Ngọc Anh Thư   | Nữ        |         |
| 37  | 10.7    | Nguyễn Bảo Thy        | Nữ        |         |
| 38  | 10.7    | Dư Mỹ Tiên            | Nữ        |         |
| 39  | 10.7    | Nguyễn Lê Trung Tín   | Nam       |         |
| 40  | 10.7    | Bùi Phương Trang      | Nữ        |         |
| 41  | 10.7    | Nguyễn Ngọc Bảo Trân  | Nữ        |         |
| 42  | 10.7    | Nguyễn Minh Trí       | Nam       |         |
| 43  | 10.7    | Nguyễn Thái Trọng     | Nam       |         |
| 44  | 10.7    | Đặng Đình Tuyên       | Nam       |         |
| 45  | 10.7    | Hoàng Minh Vũ         | Nam       |         |
| 46  | 10.7    | Nguyễn Khánh Vy       | Nữ        |         |
| 47  | 10.7    | Nguyễn Hoàng Như Ý    | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                 | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|------------------------|-----------|---------|
| 1   | 10.8    | Lê Công Anh            | Nam       |         |
| 2   | 10.8    | Phạm Hoàng Anh         | Nữ        |         |
| 3   | 10.8    | Lê Viết Quang Anh      | Nam       |         |
| 4   | 10.8    | Nguyễn Gia Bảo         | Nam       |         |
| 5   | 10.8    | Lê Quang Cường         | Nam       |         |
| 6   | 10.8    | Võ Thành Danh          | Nam       |         |
| 7   | 10.8    | Nguyễn Tuấn Dũng       | Nam       |         |
| 8   | 10.8    | Hà Khánh Duy           | Nam       |         |
| 9   | 10.8    | Trịnh Gia Hân          | Nữ        |         |
| 10  | 10.8    | Phạm Văn Huy Hoàng     | Nam       |         |
| 11  | 10.8    | Đào Xuân Hùng          | Nam       |         |
| 12  | 10.8    | Trần Nguyễn Bảo Huy    | Nam       |         |
| 13  | 10.8    | Phạm Gia Hưng          | Nam       |         |
| 14  | 10.8    | Đoàn Minh Khang        | Nam       |         |
| 15  | 10.8    | Đào Đăng Khoa          | Nam       |         |
| 16  | 10.8    | Huỳnh Đăng Khoa        | Nam       |         |
| 17  | 10.8    | Nguyễn Trần Gia Kiệt   | Nam       |         |
| 18  | 10.8    | Phạm Thị Phương Lan    | Nữ        |         |
| 19  | 10.8    | Nguyễn Hoàng Lâm       | Nam       |         |
| 20  | 10.8    | Kiều Nguyễn Khánh Linh | Nữ        |         |
| 21  | 10.8    | Lê Thị Thùy Linh       | Nữ        |         |
| 22  | 10.8    | Hà Nguyễn Bảo Long     | Nam       |         |
| 23  | 10.8    | Chu Ngọc Minh          | Nữ        |         |
| 24  | 10.8    | Trần Hoàng Nam         | Nam       |         |
| 25  | 10.8    | Lý Kim Ngân            | Nữ        |         |
| 26  | 10.8    | Lê Phương Nghi         | Nữ        |         |
| 27  | 10.8    | Trần Hoàng Thảo Ngọc   | Nữ        |         |
| 28  | 10.8    | Lê Nguyễn Thiện Nhân   | Nam       |         |
| 29  | 10.8    | Đinh Tâm Nhi           | Nữ        |         |
| 30  | 10.8    | Đặng Minh Phúc         | Nam       |         |
| 31  | 10.8    | Trần Ngọc Uyên Phương  | Nữ        |         |
| 32  | 10.8    | Trần Chí Quang         | Nam       |         |
| 33  | 10.8    | Trần Nguyên Quỳnh      | Nữ        |         |
| 34  | 10.8    | Nguyễn Phùng Việt San  | Nữ        |         |
| 35  | 10.8    | Lê Minh Sáng           | Nam       |         |
| 36  | 10.8    | Nguyễn Ngọc Hồng Sơn   | Nam       |         |
| 37  | 10.8    | Đỗ Đức Thành           | Nam       |         |
| 38  | 10.8    | Nguyễn Thị Phương Thảo | Nữ        |         |
| 39  | 10.8    | Phan Hoài Thư          | Nữ        |         |
| 40  | 10.8    | Trần Lâm Anh Thư       | Nữ        |         |
| 41  | 10.8    | Ngô Thủy Tiên          | Nữ        |         |
| 42  | 10.8    | Ché Quang Trí          | Nam       |         |
| 43  | 10.8    | Lê Văn Minh Triết      | Nam       |         |
| 44  | 10.8    | Phạm Thị Tuyết Vân     | Nữ        |         |
| 45  | 10.8    | Phạm Nguyễn Hà Vy      | Nữ        |         |
| 46  | 10.8    | Lê Thị Thảo Vy         | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                  | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|-------------------------|-----------|---------|
| 1   | 10.9    | Phan Võ Thúy An         | Nữ        |         |
| 2   | 10.9    | Trương Đăng Quốc Anh    | Nam       |         |
| 3   | 10.9    | Phạm Hà Việt Anh        | Nam       |         |
| 4   | 10.9    | Nguyễn Lê Tú Anh        | Nữ        |         |
| 5   | 10.9    | Nguyễn Chí Bảo          | Nam       |         |
| 6   | 10.9    | Lê Gia Bảo              | Nam       |         |
| 7   | 10.9    | Vô Bảo Châu             | Nữ        |         |
| 8   | 10.9    | Nguyễn Thị Ngọc Duyên   | Nữ        |         |
| 9   | 10.9    | Nguyễn Công Dương       | Nam       |         |
| 10  | 10.9    | Nguyễn Minh Đạt         | Nam       |         |
| 11  | 10.9    | Đặng Ngọc Minh Đăng     | Nam       |         |
| 12  | 10.9    | Nguyễn Trung Hiền       | Nam       |         |
| 13  | 10.9    | Lê Hoài Hiếu            | Nam       |         |
| 14  | 10.9    | Lê Chí Hùng             | Nam       |         |
| 15  | 10.9    | Nguyễn Hoàng Minh Huy   | Nam       |         |
| 16  | 10.9    | Phạm Nhật Huy           | Nam       |         |
| 17  | 10.9    | Nguyễn Huỳnh Phúc Khang | Nam       |         |
| 18  | 10.9    | Trần Minh Khôi          | Nam       |         |
| 19  | 10.9    | Trần Đức Lương          | Nam       |         |
| 20  | 10.9    | Lê Ngọc Khánh Minh      | Nữ        |         |
| 21  | 10.9    | Văn Hữu Nam             | Nam       |         |
| 22  | 10.9    | Nguyễn Phúc Nghi        | Nữ        |         |
| 23  | 10.9    | Trần Đặng Thanh Nguyên  | Nữ        |         |
| 24  | 10.9    | Hoàng Thị Yến Nhi       | Nữ        |         |
| 25  | 10.9    | Hoàng Tuyết Nhi         | Nữ        |         |
| 26  | 10.9    | Nguyễn Bảo Như          | Nữ        |         |
| 27  | 10.9    | Bùi Gia Phát            | Nam       |         |
| 28  | 10.9    | Nguyễn Minh Phát        | Nam       |         |
| 29  | 10.9    | Nguyễn Phong Phú        | Nam       |         |
| 30  | 10.9    | Nguyễn Danh Phúc        | Nam       |         |
| 31  | 10.9    | Lê Văn Quân             | Nam       |         |
| 32  | 10.9    | Nguyễn Mai Như Quỳnh    | Nữ        |         |
| 33  | 10.9    | Trương Minh Tân         | Nam       |         |
| 34  | 10.9    | Trần Hàn Lộc Thảo       | Nữ        |         |
| 35  | 10.9    | Phan Ngọc Hương Thảo    | Nữ        |         |
| 36  | 10.9    | Đặng Anh Thư            | Nữ        |         |
| 37  | 10.9    | Nguyễn Ngọc Bảo Trân    | Nữ        |         |
| 38  | 10.9    | Trần Đình Trung         | Nam       |         |
| 39  | 10.9    | Trần Quốc Phi Trường    | Nam       |         |
| 40  | 10.9    | Nguyễn Đức Thanh Tùng   | Nam       |         |
| 41  | 10.9    | Trương Thanh Tuyền      | Nữ        |         |
| 42  | 10.9    | Lê Chí Tường            | Nam       |         |
| 43  | 10.9    | Lê Minh Uyên            | Nữ        |         |
| 44  | 10.9    | Phạm Thị Hà Vy          | Nữ        |         |
| 45  | 10.9    | Nguyễn Thị Thảo Vy      | Nữ        |         |
| 46  | 10.9    | Vũ Hải Yến              | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                 | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|------------------------|-----------|---------|
| 1   | 10.10   | Nguyễn Thị Thuý An     | Nữ        |         |
| 2   | 10.10   | Phạm Hồng Anh          | Nữ        |         |
| 3   | 10.10   | Lê Nữ Minh Anh         | Nữ        |         |
| 4   | 10.10   | Võ Thị Lan Anh         | Nữ        |         |
| 5   | 10.10   | Nguyễn Thị Phương Anh  | Nữ        |         |
| 6   | 10.10   | Nguyễn Gia Bảo         | Nam       |         |
| 7   | 10.10   | Nguyễn Quốc Bảo        | Nam       |         |
| 8   | 10.10   | Đào Huỳnh Trân Châu    | Nữ        |         |
| 9   | 10.10   | Phan Mạnh Cường        | Nam       |         |
| 10  | 10.10   | Trần Nguyễn Tuấn Dũng  | Nam       |         |
| 11  | 10.10   | Trịnh Hàn Thu Hà       | Nữ        |         |
| 12  | 10.10   | Hồ Thị Thúy Hằng       | Nữ        |         |
| 13  | 10.10   | Phạm Gia Hân           | Nữ        |         |
| 14  | 10.10   | Châu Gia Huy           | Nam       |         |
| 15  | 10.10   | Nguyễn Lê Gia Huy      | Nam       |         |
| 16  | 10.10   | Nguyễn Minh Khang      | Nam       |         |
| 17  | 10.10   | Nguyễn Thị Ái Khanh    | Nữ        |         |
| 18  | 10.10   | Đinh Đăng Khoa         | Nam       |         |
| 19  | 10.10   | Phan Nguyễn Đăng Khôi  | Nam       |         |
| 20  | 10.10   | Cao Thiên Kim          | Nữ        |         |
| 21  | 10.10   | Nguyễn Thị Mai Lan     | Nữ        |         |
| 22  | 10.10   | Lê Thị Mỹ Linh         | Nữ        |         |
| 23  | 10.10   | Nguyễn Thị Khánh Ly    | Nữ        |         |
| 24  | 10.10   | Tạ Tiểu Mẫn            | Nữ        |         |
| 25  | 10.10   | Trần Bá Hồ Nguyên Minh | Nam       |         |
| 26  | 10.10   | Lê Thị Trà My          | Nữ        |         |
| 27  | 10.10   | Nguyễn Thị Thùy Ngân   | Nữ        |         |
| 28  | 10.10   | Thân Trọng Nghĩa       | Nam       |         |
| 29  | 10.10   | Nguyễn Khánh Ngọc      | Nữ        |         |
| 30  | 10.10   | Nguyễn Tâm Như Ngọc    | Nữ        |         |
| 31  | 10.10   | Nguyễn Lê Thảo Nguyên  | Nữ        |         |
| 32  | 10.10   | Nguyễn Mai Quỳnh Như   | Nữ        |         |
| 33  | 10.10   | Phạm Văn Thanh Phong   | Nam       |         |
| 34  | 10.10   | Nguyễn Anh Phú         | Nam       |         |
| 35  | 10.10   | Nguyễn Hoàng Phước     | Nam       |         |
| 36  | 10.10   | Chu Vũ Lan Phương      | Nữ        |         |
| 37  | 10.10   | Trần Minh Quang        | Nam       |         |
| 38  | 10.10   | Trần Đức Tài           | Nam       |         |
| 39  | 10.10   | Nguyễn Quang Thắng     | Nam       |         |
| 40  | 10.10   | Võ Song Thư            | Nữ        |         |
| 41  | 10.10   | Nguyễn Hữu Cát Tiên    | Nữ        |         |
| 42  | 10.10   | Trịnh Hà Thảo Trang    | Nữ        |         |
| 43  | 10.10   | Tạ Thị Minh Tuyết      | Nữ        |         |
| 44  | 10.10   | Hoàng Minh Tường Vy    | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                   | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|--------------------------|-----------|---------|
| 1   | 10.11   | Ngô Bảo An               | Nam       |         |
| 2   | 10.11   | Trần Nguyễn Tô Anh       | Nữ        |         |
| 3   | 10.11   | Nguyễn Quốc Anh          | Nam       |         |
| 4   | 10.11   | Vũ Thị Hồng Anh          | Nữ        |         |
| 5   | 10.11   | Phạm Thị Ngọc Ánh        | Nữ        |         |
| 6   | 10.11   | Nguyễn Ngọc Quế Chi      | Nữ        |         |
| 7   | 10.11   | Trương Đình Chương       | Nam       |         |
| 8   | 10.11   | Đỗ Thị Ngọc Diệp         | Nữ        |         |
| 9   | 10.11   | Nguyễn Hoàng Hải Đăng    | Nam       |         |
| 10  | 10.11   | Phạm Vũ Phương Hà        | Nữ        |         |
| 11  | 10.11   | Nguyễn Đào Ngọc Hân      | Nữ        |         |
| 12  | 10.11   | Nguyễn Thị Thảo Hiền     | Nữ        |         |
| 13  | 10.11   | Tan Chun Hui             | Nữ        |         |
| 14  | 10.11   | Nguyễn Gia Huy           | Nam       |         |
| 15  | 10.11   | Lương Thế Huy            | Nam       |         |
| 16  | 10.11   | Võ Thị Bích Huyền        | Nữ        |         |
| 17  | 10.11   | Huỳnh Hưng Khang         | Nam       |         |
| 18  | 10.11   | Cam Ngọc Tường Khang     | Nam       |         |
| 19  | 10.11   | Trương Anh Kiệt          | Nam       |         |
| 20  | 10.11   | Trương Thị Ngọc Lan      | Nữ        |         |
| 21  | 10.11   | Nguyễn Đoàn Phương Linh  | Nữ        |         |
| 22  | 10.11   | Nguyễn Thùy Linh         | Nữ        |         |
| 23  | 10.11   | Phạm Lê Minh             | Nam       |         |
| 24  | 10.11   | Dư Quốc Minh             | Nam       |         |
| 25  | 10.11   | Trần Tuệ Mỹ              | Nữ        |         |
| 26  | 10.11   | Ngô Thị Mỹ Ngân          | Nữ        |         |
| 27  | 10.11   | Nguyễn Huỳnh Phương Nghi | Nữ        |         |
| 28  | 10.11   | Nguyễn Ánh Ngọc          | Nữ        |         |
| 29  | 10.11   | Nguyễn Khánh Ngọc        | Nữ        |         |
| 30  | 10.11   | Đỗ Thành Nhân            | Nam       |         |
| 31  | 10.11   | Trịnh Thị Yến Nhi        | Nữ        |         |
| 32  | 10.11   | Nguyễn Hoàng Phú         | Nam       |         |
| 33  | 10.11   | Nguyễn Hoàng Phúc        | Nữ        |         |
| 34  | 10.11   | Trần Thị Quỳnh           | Nữ        |         |
| 35  | 10.11   | Nguyễn Hoàng Thái        | Nam       |         |
| 36  | 10.11   | Nguyễn Ngọc Thắng        | Nam       |         |
| 37  | 10.11   | Nguyễn Minh Thuận        | Nam       |         |
| 38  | 10.11   | Đào Kim Thùy             | Nữ        |         |
| 39  | 10.11   | Lê Thị Anh Thư           | Nữ        |         |
| 40  | 10.11   | Nguyễn Ngọc Tiên         | Nữ        |         |
| 41  | 10.11   | Phạm Chí Toàn            | Nam       |         |
| 42  | 10.11   | Nguyễn Sỹ Văn Trường     | Nam       |         |
| 43  | 10.11   | Hà Tố Uyên               | Nữ        |         |
| 44  | 10.11   | Đoàn Đỗ Yến Vy           | Nữ        |         |
| 45  | 10.11   | Trần Tuyết Vy            | Nữ        |         |
| 46  | 10.11   | Huỳnh Thị Thanh Xuân     | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                   | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|--------------------------|-----------|---------|
| 1   | 10.12   | Nguyễn Ngọc Tâm An       | Nữ        |         |
| 2   | 10.12   | Hoàng Ngọc Quỳnh Anh     | Nữ        |         |
| 3   | 10.12   | Nguyễn Vương Kim Anh     | Nữ        |         |
| 4   | 10.12   | Hoàng Vương Thế Anh      | Nam       |         |
| 5   | 10.12   | Nguyễn Thị Ngọc Ánh      | Nữ        |         |
| 6   | 10.12   | Nguyễn Huỳnh Thiên Bảo   | Nam       |         |
| 7   | 10.12   | Lê Thị Kim Chi           | Nữ        |         |
| 8   | 10.12   | Nguyễn Huỳnh Phúc Cường  | Nam       |         |
| 9   | 10.12   | Lê Đức Tuấn Dũng         | Nam       |         |
| 10  | 10.12   | Nguyễn Quốc Duy          | Nam       |         |
| 11  | 10.12   | Lý Ngọc Duyên            | Nữ        |         |
| 12  | 10.12   | Phạm Thanh Dữ            | Nam       |         |
| 13  | 10.12   | Trịnh Duy Ngọc Điệp      | Nam       |         |
| 14  | 10.12   | Trần Ngọc Hạ             | Nữ        |         |
| 15  | 10.12   | Trần Gia Hân             | Nữ        |         |
| 16  | 10.12   | Trần Hoàng Gia Hân       | Nữ        |         |
| 17  | 10.12   | Nguyễn Phạm Thanh Hiền   | Nữ        |         |
| 18  | 10.12   | Cao Quốc Huy             | Nam       |         |
| 19  | 10.12   | Lê Xuân Hưng             | Nam       |         |
| 20  | 10.12   | Mai An Khang             | Nam       |         |
| 21  | 10.12   | Nguyễn Mai Duy Khang     | Nam       |         |
| 22  | 10.12   | Nguyễn Đăng Khoa         | Nam       |         |
| 23  | 10.12   | Lâm Tình Kỳ              | Nữ        |         |
| 24  | 10.12   | Ngô Ngọc Hồng Lam        | Nữ        |         |
| 25  | 10.12   | Nguyễn Huỳnh Phương Linh | Nữ        |         |
| 26  | 10.12   | Nguyễn Hồ Tuyết Loan     | Nữ        |         |
| 27  | 10.12   | Nguyễn Quốc Minh         | Nam       |         |
| 28  | 10.12   | Nguyễn Hà Bảo Ngân       | Nữ        |         |
| 29  | 10.12   | Nguyễn Ngọc Phương Ngân  | Nữ        |         |
| 30  | 10.12   | Trần Bảo Ngọc            | Nữ        |         |
| 31  | 10.12   | Lê Nguyễn Phương Nhi     | Nữ        |         |
| 32  | 10.12   | Tạ Quỳnh Như             | Nữ        |         |
| 33  | 10.12   | Trần Lê Hoàng Phúc       | Nam       |         |
| 34  | 10.12   | Nguyễn Hoài Phương       | Nữ        |         |
| 35  | 10.12   | Lâm Chí Quốc             | Nam       |         |
| 36  | 10.12   | Lương Ngọc Quyên         | Nữ        |         |
| 37  | 10.12   | Phạm Minh Sang           | Nam       |         |
| 38  | 10.12   | Phan Thị Hồng Thắm       | Nữ        |         |
| 39  | 10.12   | Phạm Hữu Thắng           | Nam       |         |
| 40  | 10.12   | Phạm Hoàng Gia Thiên     | Nam       |         |
| 41  | 10.12   | Ngô Thanh Thu            | Nữ        |         |
| 42  | 10.12   | Trần Thị Ngọc Tiên       | Nữ        |         |
| 43  | 10.12   | Nguyễn Ngọc Vân          | Nữ        |         |
| 44  | 10.12   | Tăng Gia Vinh            | Nam       |         |
| 45  | 10.12   | Võ Đàm Khánh Vy          | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                  | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|-------------------------|-----------|---------|
| 1   | 10.13   | Phạm Trần Trúc An       | Nữ        |         |
| 2   | 10.13   | Nguyễn Bảo Minh Anh     | Nữ        |         |
| 3   | 10.13   | Nguyễn Ngọc Vân Anh     | Nữ        |         |
| 4   | 10.13   | Hà Nguyễn Duy Anh       | Nam       |         |
| 5   | 10.13   | Lương Phạm Hoàng Anh    | Nam       |         |
| 6   | 10.13   | Trương Gia Bảo          | Nam       |         |
| 7   | 10.13   | Lê Nguyễn Yến Chi       | Nữ        |         |
| 8   | 10.13   | Nguyễn Tâm Chiến        | Nam       |         |
| 9   | 10.13   | Lê Đức Dũng             | Nam       |         |
| 10  | 10.13   | Nguyễn Hoàng Dương      | Nam       |         |
| 11  | 10.13   | Dương Vũ Minh Đạt       | Nam       |         |
| 12  | 10.13   | Nguyễn Minh Đức         | Nam       |         |
| 13  | 10.13   | Lê Nguyễn Thị Ngọc Giàu | Nữ        |         |
| 14  | 10.13   | Nguyễn Thị Thanh Hà     | Nữ        |         |
| 15  | 10.13   | Huỳnh Phạm Anh Hào      | Nam       |         |
| 16  | 10.13   | Huỳnh Lê Ngọc Hân       | Nữ        |         |
| 17  | 10.13   | Hà Kim Huê              | Nữ        |         |
| 18  | 10.13   | Bùi Gia Huy             | Nam       |         |
| 19  | 10.13   | Nguyễn Gia Huy          | Nam       |         |
| 20  | 10.13   | Lê Thị Bích Hương       | Nữ        |         |
| 21  | 10.13   | Trần Duy Khang          | Nam       |         |
| 22  | 10.13   | Lê Anh Khoa             | Nam       |         |
| 23  | 10.13   | Lý Nhã Kỳ               | Nữ        |         |
| 24  | 10.13   | Phạm Thị Thùy Linh      | Nữ        |         |
| 25  | 10.13   | Huỳnh Phi Long          | Nam       |         |
| 26  | 10.13   | Dương Thị Thiên Lý      | Nữ        |         |
| 27  | 10.13   | Phạm Nhật Minh          | Nam       |         |
| 28  | 10.13   | Nguyễn Ngọc Hằng Nga    | Nữ        |         |
| 29  | 10.13   | Phạm Thị Ngọc Ngân      | Nữ        |         |
| 30  | 10.13   | Hoàng Thị Bích Ngọc     | Nữ        |         |
| 31  | 10.13   | Lê Trần Bảo Ngọc        | Nữ        |         |
| 32  | 10.13   | Trần Trọng Nhân         | Nam       |         |
| 33  | 10.13   | Nguyễn Thị Tuyết Nhi    | Nữ        |         |
| 34  | 10.13   | Huỳnh Yên Phi           | Nữ        |         |
| 35  | 10.13   | Nguyễn Hoàng Thu Phương | Nữ        |         |
| 36  | 10.13   | Trương Thế Tài          | Nam       |         |
| 37  | 10.13   | Đỗ Anh Thư              | Nữ        |         |
| 38  | 10.13   | Vũ Hà Anh Thư           | Nữ        |         |
| 39  | 10.13   | Đào Vũ Nhật Thy         | Nữ        |         |
| 40  | 10.13   | Mai Nhựt Tiến           | Nam       |         |
| 41  | 10.13   | Phạm Huỳnh Thanh Trà    | Nữ        |         |
| 42  | 10.13   | Huỳnh Võ Phương Trang   | Nữ        |         |
| 43  | 10.13   | Nguyễn Anh Tú           | Nam       |         |
| 44  | 10.13   | Nguyễn Phúc Kim Tuyền   | Nữ        |         |
| 45  | 10.13   | Nguyễn Thị Khánh Uyên   | Nữ        |         |
| 46  | 10.13   | Vũ Kiều Vy              | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                  | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|-------------------------|-----------|---------|
| 1   | 10.14   | Hồ Khánh An             | Nữ        |         |
| 2   | 10.14   | Hoàng Quỳnh Anh         | Nữ        |         |
| 3   | 10.14   | Nguyễn Thị Lan Anh      | Nữ        |         |
| 4   | 10.14   | Nguyễn Thị Ngọc Anh     | Nữ        |         |
| 5   | 10.14   | Nguyễn Anh              | Nữ        |         |
| 6   | 10.14   | Trịnh Nguyễn Hoàng Bảo  | Nam       |         |
| 7   | 10.14   | Bùi Ngọc Kiều Chi       | Nữ        |         |
| 8   | 10.14   | Đào Quốc Cường          | Nam       |         |
| 9   | 10.14   | Hồ Anh Duy              | Nam       |         |
| 10  | 10.14   | Nguyễn Gia Hân          | Nữ        |         |
| 11  | 10.14   | Nguyễn Thị Minh Hy      | Nữ        |         |
| 12  | 10.14   | Trần Chấn Khang         | Nam       |         |
| 13  | 10.14   | Hồ Anh Khoa             | Nam       |         |
| 14  | 10.14   | Trần Nguyễn Đăng Khôi   | Nam       |         |
| 15  | 10.14   | Nguyễn Đoàn Hoàng Lâm   | Nam       |         |
| 16  | 10.14   | Lâm Ngọc Linh           | Nữ        |         |
| 17  | 10.14   | Đỗ Thị Phương Linh      | Nữ        |         |
| 18  | 10.14   | Lê Quang Long           | Nam       |         |
| 19  | 10.14   | Nguyễn Hữu Lộc          | Nam       |         |
| 20  | 10.14   | Trương Hoà Lợi          | Nam       |         |
| 21  | 10.14   | Trần Thị Ngọc Ly        | Nữ        |         |
| 22  | 10.14   | Phạm Đỗ Quang Minh      | Nam       |         |
| 23  | 10.14   | Lê Vũ Hà My             | Nữ        |         |
| 24  | 10.14   | Phạm Hoàng Nam          | Nam       |         |
| 25  | 10.14   | Nguyễn Thanh Tuyết Ngân | Nữ        |         |
| 26  | 10.14   | Lương Bảo Ngọc          | Nữ        |         |
| 27  | 10.14   | Đào Vũ Cảnh Nguyên      | Nam       |         |
| 28  | 10.14   | Cao Nguyên              | Nữ        |         |
| 29  | 10.14   | Bùi Đăng Hữu Nhân       | Nam       |         |
| 30  | 10.14   | Hồ Thuận Phát           | Nam       |         |
| 31  | 10.14   | Phạm Ngọc Gia Phúc      | Nữ        |         |
| 32  | 10.14   | Trương Thị Phụng        | Nữ        |         |
| 33  | 10.14   | Cao Thị Đỗ Quyên        | Nữ        |         |
| 34  | 10.14   | Đỗ Lê Như Quỳnh         | Nữ        |         |
| 35  | 10.14   | Nguyễn Ngọc Như Quỳnh   | Nữ        |         |
| 36  | 10.14   | Nguyễn Trọng Tấn        | Nam       |         |
| 37  | 10.14   | Lâm Kim Thanh           | Nữ        |         |
| 38  | 10.14   | Lê Công Thành           | Nam       |         |
| 39  | 10.14   | Trần Anh Thư            | Nữ        |         |
| 40  | 10.14   | Dương Tô Bảo Thy        | Nữ        |         |
| 41  | 10.14   | Trần Ngọc Thùy Tiên     | Nữ        |         |
| 42  | 10.14   | Nguyễn Hữu Thảo Trân    | Nữ        |         |
| 43  | 10.14   | Trương Huỳnh Gia Tuệ    | Nữ        |         |
| 44  | 10.14   | Phạm Văn Vũ             | Nam       |         |
| 45  | 10.14   | Đặng Đoàn Thảo Vy       | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                   | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|--------------------------|-----------|---------|
| 1   | 10.15   | Bùi Minh An              | Nữ        |         |
| 2   | 10.15   | Lê Viết An               | Nam       |         |
| 3   | 10.15   | Bùi Ngọc Phương Anh      | Nữ        |         |
| 4   | 10.15   | Văn Yên Tử Anh           | Nữ        |         |
| 5   | 10.15   | Nguyễn Thị Ngọc Diễm     | Nữ        |         |
| 6   | 10.15   | Lê Ngân Giang            | Nữ        |         |
| 7   | 10.15   | Nguyễn Tuyết Hạnh        | Nữ        |         |
| 8   | 10.15   | Nguyễn Trọng Hiệp        | Nam       |         |
| 9   | 10.15   | Lê Phan Bích Hợp         | Nữ        |         |
| 10  | 10.15   | Hoàng Đình Nhật Huy      | Nam       |         |
| 11  | 10.15   | Nguyễn Thị Thanh Huyền   | Nữ        |         |
| 12  | 10.15   | Phạm Thanh Khoa          | Nam       |         |
| 13  | 10.15   | Nguyễn Trúc Lam          | Nữ        |         |
| 14  | 10.15   | Lê Thị Thùy Linh         | Nữ        |         |
| 15  | 10.15   | Mai Thùy Linh            | Nữ        |         |
| 16  | 10.15   | Lê Thị Ngọc Loan         | Nữ        |         |
| 17  | 10.15   | Dương Thị Hồng Lụa       | Nữ        |         |
| 18  | 10.15   | Nguyễn Gia Mẫn           | Nữ        |         |
| 19  | 10.15   | Nguyễn Khánh Phương Nghi | Nữ        |         |
| 20  | 10.15   | Nguyễn Thiện Nhân        | Nam       |         |
| 21  | 10.15   | Lê Thị Yến Nhi           | Nữ        |         |
| 22  | 10.15   | Nguyễn Ngọc Tâm Như      | Nữ        |         |
| 23  | 10.15   | Danh Thị Hoàng Như       | Nữ        |         |
| 24  | 10.15   | Lê Thị Thanh Phúc        | Nữ        |         |
| 25  | 10.15   | Đỗ Trạng Minh Quang      | Nam       |         |
| 26  | 10.15   | Trần Thị Như Quỳnh       | Nữ        |         |
| 27  | 10.15   | Dương Tú Quỳnh           | Nữ        |         |
| 28  | 10.15   | Lê Ngọc Đan Tâm          | Nữ        |         |
| 29  | 10.15   | Trần Ngọc Anh Thư        | Nữ        |         |
| 30  | 10.15   | Nguyễn Nhã Thy           | Nữ        |         |
| 31  | 10.15   | Đoàn Lê Thủy Tiên        | Nữ        |         |
| 32  | 10.15   | Trần Thị Ngọc Trinh      | Nữ        |         |
| 33  | 10.15   | Phạm Minh Tuấn           | Nam       |         |
| 34  | 10.15   | Trần Quang Tuấn          | Nam       |         |
| 35  | 10.15   | Phạm Khánh Vân           | Nữ        |         |
| 36  | 10.15   | Cao Thị Yến Vi           | Nữ        |         |
| 37  | 10.15   | Nguyễn Ngọc Tường Vy     | Nữ        |         |
| 38  | 10.15   | Lê Thị Tường Vy          | Nữ        |         |
| 39  | 10.15   | Đào Triệu Vy             | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                  | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|-------------------------|-----------|---------|
| 1   | 11.1    | Bùi Nguyễn Thúy An      | Nữ        |         |
| 2   | 11.1    | Phan Tuấn Anh           | Nam       |         |
| 3   | 11.1    | Đặng Nam Bình           | Nam       |         |
| 4   | 11.1    | Nguyễn Mạnh Dũng        | Nam       |         |
| 5   | 11.1    | Nguyễn Bảo Duy          | Nam       |         |
| 6   | 11.1    | Lữ Ngọc Ánh Dương       | Nữ        |         |
| 7   | 11.1    | Phạm Xuân Đông          | Nam       |         |
| 8   | 11.1    | Ngô Chí Đức             | Nam       |         |
| 9   | 11.1    | Nguyễn Mạnh Hải         | Nam       |         |
| 10  | 11.1    | Ngô Anh Hào             | Nam       |         |
| 11  | 11.1    | Nguyễn Phạm Việt Hoàng  | Nam       |         |
| 12  | 11.1    | Phan Tuấn Hùng          | Nam       |         |
| 13  | 11.1    | Phan Huỳnh Quốc Huy     | Nam       |         |
| 14  | 11.1    | Dương Hoàng Bảo Khang   | Nam       |         |
| 15  | 11.1    | Nguyễn Đăng Khoa        | Nam       |         |
| 16  | 11.1    | Nguyễn Tấn Minh Khoa    | Nam       |         |
| 17  | 11.1    | Nguyễn Vũ Trường Lâm    | Nam       |         |
| 18  | 11.1    | Nguyễn Ngọc Nhã Linh    | Nữ        |         |
| 19  | 11.1    | Lương Thảo Linh         | Nữ        |         |
| 20  | 11.1    | Hồ Ngọc Mai             | Nữ        |         |
| 21  | 11.1    | Lê Phạm Gia Minh        | Nam       |         |
| 22  | 11.1    | Chu Thị Trà My          | Nữ        |         |
| 23  | 11.1    | Nguyễn Thái Phương Nam  | Nam       |         |
| 24  | 11.1    | Trần Ngọc Thu Ngân      | Nữ        |         |
| 25  | 11.1    | Nguyễn Phương Nghi      | Nữ        |         |
| 26  | 11.1    | Phan Hữu Nghị           | Nam       |         |
| 27  | 11.1    | Nguyễn Lưu Bích Ngọc    | Nữ        |         |
| 28  | 11.1    | Đinh Thị Yến Nhi        | Nữ        |         |
| 29  | 11.1    | Lê Viết Đức Phát        | Nam       |         |
| 30  | 11.1    | Nguyễn Trọng Phúc       | Nam       |         |
| 31  | 11.1    | Nguyễn Mai Phương       | Nữ        |         |
| 32  | 11.1    | Nguyễn Minh Quân        | Nam       |         |
| 33  | 11.1    | Đỗ Phú Duy Tâm          | Nam       |         |
| 34  | 11.1    | Huỳnh Phương Thảo       | Nữ        |         |
| 35  | 11.1    | Trần Trương Phương Thảo | Nữ        |         |
| 36  | 11.1    | Lâm Quốc Thịnh          | Nam       |         |
| 37  | 11.1    | Vũ Minh Thư             | Nữ        |         |
| 38  | 11.1    | Nguyễn Triệu Nhã Thy    | Nữ        |         |
| 39  | 11.1    | Phạm Minh Tiến          | Nam       |         |
| 40  | 11.1    | Vũ Minh Trang           | Nữ        |         |
| 41  | 11.1    | Phạm Nguyễn Hải Trang   | Nữ        |         |
| 42  | 11.1    | Đinh Nguyễn Phương Trâm | Nữ        |         |
| 43  | 11.1    | Lê Nguyễn Anh Tuấn      | Nam       |         |
| 44  | 11.1    | Đỗ Thị Như Ý            | Nữ        |         |
| 45  | 11.1    | Âu Nguyễn Kim Yến       | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                 | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|------------------------|-----------|---------|
| 1   | 11.2    | Lê Ngọc Quỳnh Anh      | Nữ        |         |
| 2   | 11.2    | Trần Thị Phương Anh    | Nữ        |         |
| 3   | 11.2    | Trịnh Thị Hồng Ánh     | Nữ        |         |
| 4   | 11.2    | Nguyễn Đào Anh Duy     | Nam       |         |
| 5   | 11.2    | Võ Thị Thùy Dương      | Nữ        |         |
| 6   | 11.2    | Trần Vũ Quốc Đại       | Nam       |         |
| 7   | 11.2    | Trần Quốc Đạt          | Nam       |         |
| 8   | 11.2    | Trần Kế Đông           | Nam       |         |
| 9   | 11.2    | Trần Hoàng Đức         | Nam       |         |
| 10  | 11.2    | Trần Chí Hào           | Nam       |         |
| 11  | 11.2    | Nguyễn Võ Minh Hằng    | Nữ        |         |
| 12  | 11.2    | Nguyễn Huỳnh Gia Hân   | Nữ        |         |
| 13  | 11.2    | Đinh Phạm Khánh Hòa    | Nữ        |         |
| 14  | 11.2    | Nguyễn Huy Hoàng       | Nam       |         |
| 15  | 11.2    | Trịnh Văn Hùng         | Nam       |         |
| 16  | 11.2    | Nguyễn Thạch Gia Huy   | Nam       |         |
| 17  | 11.2    | Nguyễn Huỳnh Gia Khang | Nam       |         |
| 18  | 11.2    | Nguyễn Anh Khoa        | Nam       |         |
| 19  | 11.2    | Vì Hà Đăng Khôi        | Nam       |         |
| 20  | 11.2    | Huỳnh Gia Kỳ           | Nữ        |         |
| 21  | 11.2    | Nguyễn Thùy Lâm        | Nữ        |         |
| 22  | 11.2    | Nguyễn Thùy Linh       | Nữ        |         |
| 23  | 11.2    | Vũ Duy Long            | Nam       |         |
| 24  | 11.2    | Nguyễn Đức Minh        | Nam       |         |
| 25  | 11.2    | Hoàng Gia Minh         | Nam       |         |
| 26  | 11.2    | Lê Hoàng My            | Nữ        |         |
| 27  | 11.2    | Phạm Bảo Nam           | Nam       |         |
| 28  | 11.2    | Phạm Yến Ngọc          | Nữ        |         |
| 29  | 11.2    | Trần Viết Nhân         | Nam       |         |
| 30  | 11.2    | Trần Huỳnh Minh Nhật   | Nam       |         |
| 31  | 11.2    | Trần Lê Thảo Nhi       | Nữ        |         |
| 32  | 11.2    | Nguyễn Lê Quỳnh Như    | Nữ        |         |
| 33  | 11.2    | Lưu Tiểu Phong         | Nam       |         |
| 34  | 11.2    | Thượng Minh Quân       | Nam       |         |
| 35  | 11.2    | Nguyễn Minh Thành      | Nam       |         |
| 36  | 11.2    | Dương Thái Thư         | Nữ        |         |
| 37  | 11.2    | Đặng Lê Thu Trang      | Nữ        |         |
| 38  | 11.2    | Nguyễn Bùi Thủy Trúc   | Nữ        |         |
| 39  | 11.2    | Nguyễn Minh Tuấn       | Nam       |         |
| 40  | 11.2    | Bùi Ngọc Cát Tường     | Nữ        |         |
| 41  | 11.2    | Phạm Quốc Uy           | Nam       |         |
| 42  | 11.2    | Nguyễn Văn Anh Vĩ      | Nam       |         |
| 43  | 11.2    | Nguyễn Thị Như Ý       | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên               | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|----------------------|-----------|---------|
| 1   | 11.3    | Nguyễn Phú An        | Nam       |         |
| 2   | 11.3    | Trần Thị Như Ánh     | Nữ        |         |
| 3   | 11.3    | Trịnh Thiên Bảo      | Nam       |         |
| 4   | 11.3    | Hà Bảo Châu          | Nữ        |         |
| 5   | 11.3    | Nguyễn Trí Dũng      | Nam       |         |
| 6   | 11.3    | Nguyễn Thành Đạt     | Nam       |         |
| 7   | 11.3    | Phạm Minh Đăng       | Nam       |         |
| 8   | 11.3    | Nguyễn Thanh Điền    | Nam       |         |
| 9   | 11.3    | Trần Nhật Việt Hà    | Nữ        |         |
| 10  | 11.3    | Nguyễn Bảo Gia Hân   | Nữ        |         |
| 11  | 11.3    | Nguyễn Hữu Hiệp      | Nam       |         |
| 12  | 11.3    | Huỳnh Minh Hoàng     | Nam       |         |
| 13  | 11.3    | Tạ Khánh Huy         | Nam       |         |
| 14  | 11.3    | Đỗ Vương Bích Hữu    | Nữ        |         |
| 15  | 11.3    | Lê Huỳnh Đăng Khoa   | Nam       |         |
| 16  | 11.3    | Mai Đoàn Gia Kiệt    | Nam       |         |
| 17  | 11.3    | Lê Hoàng Lan         | Nữ        |         |
| 18  | 11.3    | Trần Bồ Thùy Lâm     | Nữ        |         |
| 19  | 11.3    | Đoàn Ngọc Gia Linh   | Nữ        |         |
| 20  | 11.3    | Nguyễn Đăng Mỹ Loan  | Nữ        |         |
| 21  | 11.3    | Vũ Nguyễn Tấn Lộc    | Nam       |         |
| 22  | 11.3    | Tổng Giang Minh      | Nam       |         |
| 23  | 11.3    | Nguyễn Nguyệt Minh   | Nữ        |         |
| 24  | 11.3    | Đoàn Thị Hà My       | Nữ        |         |
| 25  | 11.3    | Nguyễn Khoa Nhật Nam | Nam       |         |
| 26  | 11.3    | Thủy Châu Trí Nguyên | Nam       |         |
| 27  | 11.3    | Nguyễn Xuân Nhân     | Nam       |         |
| 28  | 11.3    | Lê Tấn Phát          | Nam       |         |
| 29  | 11.3    | Dương Hà Phương      | Nữ        |         |
| 30  | 11.3    | Trương Trung Quân    | Nam       |         |
| 31  | 11.3    | Trần Nhật Thanh      | Nữ        |         |
| 32  | 11.3    | Quách Phú Thành      | Nam       |         |
| 33  | 11.3    | Trần Thị Thanh Thảo  | Nữ        |         |
| 34  | 11.3    | Huỳnh Hồng Thiên     | Nam       |         |
| 35  | 11.3    | Nguyễn Hữu Thọ       | Nam       |         |
| 36  | 11.3    | Trần Lê Minh Thuận   | Nam       |         |
| 37  | 11.3    | Hà Hoài Thương       | Nữ        |         |
| 38  | 11.3    | Nguyễn Ngọc Minh Thy | Nữ        |         |
| 39  | 11.3    | Trần Tiến            | Nam       |         |
| 40  | 11.3    | Trần Thị Thùy Trang  | Nữ        |         |
| 41  | 11.3    | Đào Thu Trúc         | Nữ        |         |
| 42  | 11.3    | Nguyễn Thanh Tùng    | Nam       |         |
| 43  | 11.3    | Đỗ Quỳnh Vân         | Nữ        |         |
| 44  | 11.3    | Trần Quốc Việt       | Nam       |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                  | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|-------------------------|-----------|---------|
| 1   | 11.4    | Bùi Quý Nam An          | Nam       |         |
| 2   | 11.4    | Phan Ngọc Phương Anh    | Nữ        |         |
| 3   | 11.4    | Trần Nguyễn Tuấn Anh    | Nam       |         |
| 4   | 11.4    | Văn Lê Gia Bảo          | Nam       |         |
| 5   | 11.4    | Phạm Ngọc Chân          | Nữ        |         |
| 6   | 11.4    | Trần Diệp Chi           | Nữ        |         |
| 7   | 11.4    | Lâm Thành Danh          | Nam       |         |
| 8   | 11.4    | Nguyễn Trường Duy       | Nam       |         |
| 9   | 11.4    | Nguyễn Gia Ngọc Hà      | Nữ        |         |
| 10  | 11.4    | Nguyễn Thế Hiếu         | Nam       |         |
| 11  | 11.4    | Nguyễn Thị Mỹ Hoa       | Nữ        |         |
| 12  | 11.4    | Nguyễn Văn Hùng         | Nam       |         |
| 13  | 11.4    | Hồ Đức Huy              | Nam       |         |
| 14  | 11.4    | Ngô Anh Khoa            | Nam       |         |
| 15  | 11.4    | Nguyễn Ngọc Phương Linh | Nữ        |         |
| 16  | 11.4    | Nguyễn Thị Mai          | Nữ        |         |
| 17  | 11.4    | Nguyễn Đức Mạnh         | Nam       |         |
| 18  | 11.4    | Thái Hoàng Minh         | Nam       |         |
| 19  | 11.4    | Hoàng Ngọc Lê Minh      | Nam       |         |
| 20  | 11.4    | Phạm Thảo My            | Nữ        |         |
| 21  | 11.4    | Vũ Phương Nam           | Nam       |         |
| 22  | 11.4    | Nguyễn Phương Nghi      | Nữ        |         |
| 23  | 11.4    | Phạm Huỳnh Bảo Ngọc     | Nữ        |         |
| 24  | 11.4    | Phạm Lê Nguyễn          | Nam       |         |
| 25  | 11.4    | Võ Hoàng Nhi            | Nữ        |         |
| 26  | 11.4    | Hoàng Nguyễn Yến Như    | Nữ        |         |
| 27  | 11.4    | Lê Hà Tấn Phát          | Nam       |         |
| 28  | 11.4    | Đồng Minh Nhật Phi      | Nam       |         |
| 29  | 11.4    | Trương Hoài Phong       | Nam       |         |
| 30  | 11.4    | Lê Vũ Khánh Quỳnh       | Nữ        |         |
| 31  | 11.4    | Nguyễn Thị Thiên Thanh  | Nữ        |         |
| 32  | 11.4    | Trần Dương Phương Thảo  | Nữ        |         |
| 33  | 11.4    | Trần Hữu Thắng          | Nam       |         |
| 34  | 11.4    | Phạm Tiến Thịnh         | Nam       |         |
| 35  | 11.4    | Nguyễn Thị Thu Thủy     | Nữ        |         |
| 36  | 11.4    | Nguyễn Ngọc Anh Thư     | Nữ        |         |
| 37  | 11.4    | Ngô Minh Tiến           | Nam       |         |
| 38  | 11.4    | Nguyễn Ngọc Yến Trang   | Nữ        |         |
| 39  | 11.4    | Huỳnh Minh Trí          | Nam       |         |
| 40  | 11.4    | Nguyễn Trung Trực       | Nam       |         |
| 41  | 11.4    | Nguyễn Ngọc Phúc Tuyền  | Nữ        |         |
| 42  | 11.4    | Nguyễn Tiến Vinh        | Nam       |         |
| 43  | 11.4    | Nguyễn Ngọc Phương Vy   | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                 | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|------------------------|-----------|---------|
| 1   | 11.5    | Nguyễn Gia An          | Nam       |         |
| 2   | 11.5    | Hồ Lê Bảo Anh          | Nam       |         |
| 3   | 11.5    | Nguyễn Lê Phi Anh      | Nữ        |         |
| 4   | 11.5    | Nguyễn Mỹ Anh          | Nữ        |         |
| 5   | 11.5    | Nguyễn Thị Hoài Anh    | Nữ        |         |
| 6   | 11.5    | Nguyễn Trúc Anh        | Nữ        |         |
| 7   | 11.5    | Nguyễn Phạm Thế Danh   | Nam       |         |
| 8   | 11.5    | Lê Trí Dũng            | Nam       |         |
| 9   | 11.5    | Lê Hoàng Đạt           | Nam       |         |
| 10  | 11.5    | Vương Hùng Đức         | Nam       |         |
| 11  | 11.5    | Trịnh Thị Ngọc Hân     | Nữ        |         |
| 12  | 11.5    | Nguyễn Đình Tuấn Hùng  | Nam       |         |
| 13  | 11.5    | Trần Thị Lan Hương     | Nữ        |         |
| 14  | 11.5    | Trình Minh Khang       | Nam       |         |
| 15  | 11.5    | Nguyễn Phúc Khang      | Nam       |         |
| 16  | 11.5    | Lương Gia Khánh        | Nam       |         |
| 17  | 11.5    | Trương Ngọc Anh Khoa   | Nam       |         |
| 18  | 11.5    | Huỳnh Minh Khôi        | Nam       |         |
| 19  | 11.5    | Lê Anh Kiệt            | Nam       |         |
| 20  | 11.5    | Nguyễn Phước Lập       | Nam       |         |
| 21  | 11.5    | Vũ Thị Khánh Linh      | Nữ        |         |
| 22  | 11.5    | Nguyễn Trúc Linh       | Nữ        |         |
| 23  | 11.5    | Phạm Huy Lộc           | Nam       |         |
| 24  | 11.5    | Phạm Quỳnh Mai         | Nữ        |         |
| 25  | 11.5    | Nguyễn Huyền Minh      | Nữ        |         |
| 26  | 11.5    | Huỳnh Duy Nam          | Nam       |         |
| 27  | 11.5    | Trần Huỳnh Phương Nam  | Nam       |         |
| 28  | 11.5    | Vi Thanh Ngân          | Nữ        |         |
| 29  | 11.5    | Lê Bảo Ngọc            | Nữ        |         |
| 30  | 11.5    | Dương Khánh Nguyễn     | Nam       |         |
| 31  | 11.5    | Ngô Trần Trí Nhân      | Nam       |         |
| 32  | 11.5    | Võ Hồng Nhi            | Nữ        |         |
| 33  | 11.5    | Huỳnh Lê Thị Diễm Phúc | Nữ        |         |
| 34  | 11.5    | Nguyễn Đăng Sỹ Quý     | Nam       |         |
| 35  | 11.5    | Lê Hồng Cẩm Quyên      | Nữ        |         |
| 36  | 11.5    | Phạm Như Quỳnh         | Nữ        |         |
| 37  | 11.5    | Nguyễn Tấn Thành       | Nam       |         |
| 38  | 11.5    | Nguyễn Phước Thiên     | Nam       |         |
| 39  | 11.5    | Hồ Nguyễn Anh Thư      | Nữ        |         |
| 40  | 11.5    | Thái Hoàng Thiên Trúc  | Nữ        |         |
| 41  | 11.5    | Nguyễn Thành Trung     | Nam       |         |
| 42  | 11.5    | Vương Ngọc Thảo Uyên   | Nữ        |         |
| 43  | 11.5    | Nguyễn Phương Vi       | Nữ        |         |
| 44  | 11.5    | Nguyễn Hoàng Phương Vy | Nữ        |         |
| 45  | 11.5    | Đỗ Việt Vy             | Nữ        |         |
| 46  | 11.5    | Lê Thị Hải Yến         | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                  | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|-------------------------|-----------|---------|
| 1   | 11.6    | Hà Khánh An             | Nữ        |         |
| 2   | 11.6    | Hồ Hoài Anh             | Nam       |         |
| 3   | 11.6    | Trương Quỳnh Anh        | Nữ        |         |
| 4   | 11.6    | Trần Lê Gia Bảo         | Nam       |         |
| 5   | 11.6    | Đỗ Ngọc Bảo Châu        | Nữ        |         |
| 6   | 11.6    | Nguyễn Hùng Dũng        | Nam       |         |
| 7   | 11.6    | Nguyễn Phạm Tùng Dương  | Nam       |         |
| 8   | 11.6    | Nguyễn Tấn Đạt          | Nam       |         |
| 9   | 11.6    | Nguyễn Thùy Giang       | Nữ        |         |
| 10  | 11.6    | Phan Hoàng Hải          | Nam       |         |
| 11  | 11.6    | Võ Xuân Hiếu            | Nữ        |         |
| 12  | 11.6    | Nguyễn Mạnh Hùng        | Nam       |         |
| 13  | 11.6    | Phan Trần Phúc Khang    | Nam       |         |
| 14  | 11.6    | Nguyễn Huy Khánh        | Nam       |         |
| 15  | 11.6    | Nguyễn Trúc Lam         | Nữ        |         |
| 16  | 11.6    | Trần Hà Linh            | Nữ        |         |
| 17  | 11.6    | Lý Lộc                  | Nam       |         |
| 18  | 11.6    | Huỳnh Gia Minh          | Nam       |         |
| 19  | 11.6    | Thiều Thị Hà My         | Nữ        |         |
| 20  | 11.6    | Nguyễn Huỳnh Bảo Nam    | Nam       |         |
| 21  | 11.6    | Võ Quốc Nam             | Nam       |         |
| 22  | 11.6    | Thái Thùy Nga           | Nữ        |         |
| 23  | 11.6    | Nguyễn Trần Khánh Ngân  | Nữ        |         |
| 24  | 11.6    | Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc   | Nữ        |         |
| 25  | 11.6    | Bùi Như Ngọc            | Nữ        |         |
| 26  | 11.6    | Nguyễn Trọng Nhân       | Nam       |         |
| 27  | 11.6    | Lê Long Nhật            | Nam       |         |
| 28  | 11.6    | Nguyễn Hồng Cẩm Nhung   | Nữ        |         |
| 29  | 11.6    | Lê Thị Kiều Oanh        | Nữ        |         |
| 30  | 11.6    | Huỳnh Duy Phúc          | Nam       |         |
| 31  | 11.6    | Hoa Thành Phúc          | Nam       |         |
| 32  | 11.6    | Lê Nguyễn Minh Phương   | Nữ        |         |
| 33  | 11.6    | Bùi Trung Quân          | Nam       |         |
| 34  | 11.6    | Nguyễn Hoàng Hải Quỳnh  | Nữ        |         |
| 35  | 11.6    | Nguyễn Đình Sơn         | Nam       |         |
| 36  | 11.6    | Nguyễn Hoàng Tài        | Nam       |         |
| 37  | 11.6    | Vũ Quốc Thái            | Nam       |         |
| 38  | 11.6    | Nguyễn Đỗ Anh Thư       | Nữ        |         |
| 39  | 11.6    | Nguyễn Thương Tín       | Nam       |         |
| 40  | 11.6    | Nguyễn Hoàng Khánh Trâm | Nữ        |         |
| 41  | 11.6    | Nguyễn Đặng Bảo Trân    | Nữ        |         |
| 42  | 11.6    | Nguyễn Thanh Trúc       | Nữ        |         |
| 43  | 11.6    | Nguyễn Quốc Tú          | Nam       |         |
| 44  | 11.6    | Nguyễn Thế Viện         | Nam       |         |
| 45  | 11.6    | Nguyễn Thị Hà Vy        | Nữ        |         |
| 46  | 11.6    | Từ Hoàng Yên            | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                   | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|--------------------------|-----------|---------|
| 1   | 11.7    | Trần Phạm Triết An       | Nữ        |         |
| 2   | 11.7    | Trần Doãn Ngọc Anh       | Nữ        |         |
| 3   | 11.7    | Phạm Lê Quỳnh Anh        | Nữ        |         |
| 4   | 11.7    | Nguyễn Phạm Phương Anh   | Nữ        |         |
| 5   | 11.7    | Nguyễn Trọng Anh         | Nam       |         |
| 6   | 11.7    | Phan Gia Bảo             | Nam       |         |
| 7   | 11.7    | Nguyễn Thanh Bình        | Nam       |         |
| 8   | 11.7    | Lê Anh Dũng              | Nam       |         |
| 9   | 11.7    | Nguyễn Bình Phương Duyên | Nữ        |         |
| 10  | 11.7    | Bồ Văn Duyên             | Nam       |         |
| 11  | 11.7    | Trần Ánh Dương           | Nữ        |         |
| 12  | 11.7    | Lê Minh Đạt              | Nam       |         |
| 13  | 11.7    | Lê Ngọc Hải Đăng         | Nam       |         |
| 14  | 11.7    | Nguyễn Đôn Hiếu          | Nam       |         |
| 15  | 11.7    | Tào Gia Huy              | Nam       |         |
| 16  | 11.7    | Võ Vĩnh Khang            | Nam       |         |
| 17  | 11.7    | Trần Anh Khoa            | Nam       |         |
| 18  | 11.7    | Nguyễn Đình Quang Lâm    | Nam       |         |
| 19  | 11.7    | Đỗ Thị Khánh Linh        | Nữ        |         |
| 20  | 11.7    | Lê Hoàng Long            | Nam       |         |
| 21  | 11.7    | Bùi Minh Lộc             | Nam       |         |
| 22  | 11.7    | Nguyễn Thị Xuân Mai      | Nữ        |         |
| 23  | 11.7    | Nguyễn Hoàng Minh        | Nam       |         |
| 24  | 11.7    | Nguyễn Ngọc Kiều My      | Nữ        |         |
| 25  | 11.7    | Hồ An Mỹ                 | Nữ        |         |
| 26  | 11.7    | Lê Nguyễn Khánh Nam      | Nam       |         |
| 27  | 11.7    | Đỗ Thành Nam             | Nam       |         |
| 28  | 11.7    | Đoàn Lê Ngân             | Nữ        |         |
| 29  | 11.7    | Nguyễn Gia Ngọc          | Nữ        |         |
| 30  | 11.7    | Vũ Huy Ngọc              | Nam       |         |
| 31  | 11.7    | Nguyễn Thị Thùy Nhung    | Nữ        |         |
| 32  | 11.7    | Nguyễn Mai Hiếu Ny       | Nữ        |         |
| 33  | 11.7    | Phạm Nhất Phi            | Nam       |         |
| 34  | 11.7    | Phạm Hoàng Phúc          | Nam       |         |
| 35  | 11.7    | Đậu Lê Quân              | Nam       |         |
| 36  | 11.7    | Nguyễn Như Quỳnh         | Nữ        |         |
| 37  | 11.7    | Ngô Đỗ Tú Tài            | Nam       |         |
| 38  | 11.7    | Lê Thị Minh Tâm          | Nữ        |         |
| 39  | 11.7    | Trần Minh Thư            | Nữ        |         |
| 40  | 11.7    | Nguyễn Thị Bảo Trân      | Nữ        |         |
| 41  | 11.7    | Nguyễn Thành Trung       | Nam       |         |
| 42  | 11.7    | Ngô Minh Tuấn Tú         | Nam       |         |
| 43  | 11.7    | Lâu Lê Ánh Tuyết         | Nữ        |         |
| 44  | 11.7    | Huỳnh Xuân Trúc Vy       | Nữ        |         |
| 45  | 11.7    | Huỳnh Nguyễn Như Ý       | Nữ        |         |
| 46  | 11.7    | Nguyễn Lê Bảo Yến        | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                   | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|--------------------------|-----------|---------|
| 1   | 11.8    | Nguyễn Ngọc Thúy An      | Nữ        |         |
| 2   | 11.8    | Nguyễn Bảo Anh           | Nữ        |         |
| 3   | 11.8    | Nguyễn Lâm Phương Anh    | Nữ        |         |
| 4   | 11.8    | Nguyễn Thị Lan Anh       | Nữ        |         |
| 5   | 11.8    | Mai Nguyễn Hoài Bằng     | Nữ        |         |
| 6   | 11.8    | Nguyễn Hoàng Hải Đăng    | Nam       |         |
| 7   | 11.8    | Phùng Nguyễn Thục Đoan   | Nữ        |         |
| 8   | 11.8    | Trần Trí Đức             | Nam       |         |
| 9   | 11.8    | Trần Tấn Hải             | Nam       |         |
| 10  | 11.8    | Trịnh Gia Hân            | Nữ        |         |
| 11  | 11.8    | Huỳnh Kim Hoàn           | Nữ        |         |
| 12  | 11.8    | Nguyễn Xuân Hoàng        | Nam       |         |
| 13  | 11.8    | Nguyễn Việt Hùng         | Nam       |         |
| 14  | 11.8    | Đoàn Trịnh Ngọc Huy      | Nam       |         |
| 15  | 11.8    | Vũ Hạ Huỳnh              | Nữ        |         |
| 16  | 11.8    | Đỗ Trí Hưng              | Nam       |         |
| 17  | 11.8    | Lê Thị Thu Hương         | Nữ        |         |
| 18  | 11.8    | Đặng Hoàng Khang         | Nam       |         |
| 19  | 11.8    | Nguyễn Anh Khoa          | Nam       |         |
| 20  | 11.8    | Ngô Lê Trung Kiên        | Nam       |         |
| 21  | 11.8    | Nguyễn Minh Kiệt         | Nam       |         |
| 22  | 11.8    | Cao Minh Tuấn Linh       | Nam       |         |
| 23  | 11.8    | Đào Trần Khánh Linh      | Nữ        |         |
| 24  | 11.8    | Dương Diệp Minh          | Nữ        |         |
| 25  | 11.8    | Đinh Văn Nam             | Nam       |         |
| 26  | 11.8    | Phan Thị Kim Ngân        | Nữ        |         |
| 27  | 11.8    | Nguyễn Dương Bảo Ngọc    | Nữ        |         |
| 28  | 11.8    | Nguyễn Thanh Ngọc        | Nữ        |         |
| 29  | 11.8    | Lê Trần Thảo Nguyên      | Nữ        |         |
| 30  | 11.8    | Nguyễn Vương Thảo Nhi    | Nữ        |         |
| 31  | 11.8    | Trương Nguyễn Hoàng Phúc | Nam       |         |
| 32  | 11.8    | Nguyễn Ngọc Phượng       | Nữ        |         |
| 33  | 11.8    | Phạm Trọng Quân          | Nam       |         |
| 34  | 11.8    | Trần Như Quỳnh           | Nữ        |         |
| 35  | 11.8    | Phạm Công Sơn            | Nam       |         |
| 36  | 11.8    | Nguyễn Duy Tân           | Nam       |         |
| 37  | 11.8    | Huỳnh Phương Thanh       | Nữ        |         |
| 38  | 11.8    | Lư Quốc Thắng            | Nam       |         |
| 39  | 11.8    | Trương Thị Thanh Thu     | Nữ        |         |
| 40  | 11.8    | Nguyễn Ngọc Toàn         | Nam       |         |
| 41  | 11.8    | Nguyễn Ngọc Bảo Trân     | Nữ        |         |
| 42  | 11.8    | Huỳnh Hữu Trí            | Nam       |         |
| 43  | 11.8    | Nguyễn Ngọc Cẩm Trúc     | Nữ        |         |
| 44  | 11.8    | Khuất Quang Trường       | Nam       |         |
| 45  | 11.8    | Nguyễn Huỳnh Anh Tuấn    | Nam       |         |
| 46  | 11.8    | Phạm Ngọc Khánh Vy       | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                  | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|-------------------------|-----------|---------|
| 1   | 11.9    | Bùi Thuý An             | Nữ        |         |
| 2   | 11.9    | Nguyễn Đoàn Tuấn Anh    | Nam       |         |
| 3   | 11.9    | Đoàn Ngọc Anh           | Nữ        |         |
| 4   | 11.9    | Lê Phương Anh           | Nữ        |         |
| 5   | 11.9    | Đặng Hoàng Dung         | Nữ        |         |
| 6   | 11.9    | Lê Anh Dũng             | Nam       |         |
| 7   | 11.9    | Cao Tấn Dũng            | Nam       |         |
| 8   | 11.9    | Nguyễn Bá Hải Đăng      | Nam       |         |
| 9   | 11.9    | Võ Song Quỳnh Giang     | Nữ        |         |
| 10  | 11.9    | Mai Gia Hân             | Nữ        |         |
| 11  | 11.9    | Đỗ Thị Thu Hiền         | Nữ        |         |
| 12  | 11.9    | Vũ Hoàng Hiệp           | Nam       |         |
| 13  | 11.9    | Diệp Võ Minh Hiếu       | Nam       |         |
| 14  | 11.9    | Đình Nguyễn Trọng Hoàng | Nam       |         |
| 15  | 11.9    | Huỳnh Ngọc Lan Hương    | Nữ        |         |
| 16  | 11.9    | Hoàng Minh Khánh        | Nam       |         |
| 17  | 11.9    | Phạm Hoàng Anh Khoa     | Nam       |         |
| 18  | 11.9    | Lại Trung Kiên          | Nam       |         |
| 19  | 11.9    | Nguyễn Tuấn Kiệt        | Nam       |         |
| 20  | 11.9    | Nguyễn Ngọc Kim         | Nữ        |         |
| 21  | 11.9    | Đỗ Thành Lâm            | Nam       |         |
| 22  | 11.9    | Nguyễn Diệu Linh        | Nữ        |         |
| 23  | 11.9    | Huỳnh Khang Hải My      | Nữ        |         |
| 24  | 11.9    | Võ Thị Luy Na           | Nữ        |         |
| 25  | 11.9    | Nguyễn Bửu Nam          | Nam       |         |
| 26  | 11.9    | Hoàng Nguyễn Hằng Nga   | Nữ        |         |
| 27  | 11.9    | Nguyễn Đặng Ngọc Ngân   | Nữ        |         |
| 28  | 11.9    | Võ Hường Nghiệp         | Nam       |         |
| 29  | 11.9    | Đình Thị Thanh Ngọc     | Nữ        |         |
| 30  | 11.9    | Trần Giang Nguyên       | Nữ        |         |
| 31  | 11.9    | Đào Trần Phương Nhi     | Nữ        |         |
| 32  | 11.9    | Nguyễn Cẩm Nhung        | Nữ        |         |
| 33  | 11.9    | Võ Thành Phát           | Nam       |         |
| 34  | 11.9    | Nguyễn Vĩnh Phúc        | Nam       |         |
| 35  | 11.9    | Hoàng Minh Quân         | Nam       |         |
| 36  | 11.9    | Trần Thị Mai Quỳnh      | Nữ        |         |
| 37  | 11.9    | Nguyễn Thị Như Quỳnh    | Nữ        |         |
| 38  | 11.9    | Phạm Hồ Sỹ              | Nam       |         |
| 39  | 11.9    | Thiều Quang Thành       | Nam       |         |
| 40  | 11.9    | Huỳnh Nhật Thiên        | Nam       |         |
| 41  | 11.9    | Nguyễn Nhật Tiến        | Nam       |         |
| 42  | 11.9    | Phan Thị Bích Trâm      | Nữ        |         |
| 43  | 11.9    | Thái Minh Trí           | Nam       |         |
| 44  | 11.9    | Diệp Võ Minh Trung      | Nam       |         |
| 45  | 11.9    | Thượng Tuấn Tú          | Nam       |         |
| 46  | 11.9    | Lại Thị Phương Vy       | Nữ        |         |
| 47  | 11.9    | Hoàng Hải Yến           | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                  | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|-------------------------|-----------|---------|
| 1   | 11.10   | Lê Nguyễn Bảo An        | Nữ        |         |
| 2   | 11.10   | Trần Duy Anh            | Nam       |         |
| 3   | 11.10   | Hoàng Thị Hoàng Anh     | Nữ        |         |
| 4   | 11.10   | Nguyễn Thị Quỳnh Anh    | Nữ        |         |
| 5   | 11.10   | Lê Gia Bảo              | Nam       |         |
| 6   | 11.10   | Nguyễn Tiến Dũng        | Nam       |         |
| 7   | 11.10   | Nguyễn Hữu Duy          | Nam       |         |
| 8   | 11.10   | Bùi Nguyễn Minh Dương   | Nam       |         |
| 9   | 11.10   | Lê Quốc Đạt             | Nam       |         |
| 10  | 11.10   | Nguyễn Thị Hương Giang  | Nữ        |         |
| 11  | 11.10   | Nguyễn Trần Ngọc Hà     | Nữ        |         |
| 12  | 11.10   | Phan Nguyễn Nhã Hân     | Nữ        |         |
| 13  | 11.10   | Nguyễn Quang Hiếu       | Nam       |         |
| 14  | 11.10   | Nguyễn Thị Quỳnh Hoa    | Nữ        |         |
| 15  | 11.10   | Vũ Thị Ánh Hồng         | Nữ        |         |
| 16  | 11.10   | Hoàng Thị Mỹ Huyền      | Nữ        |         |
| 17  | 11.10   | Huỳnh Thị Thanh Hương   | Nữ        |         |
| 18  | 11.10   | Nguyễn Phúc Khang       | Nam       |         |
| 19  | 11.10   | Nguyễn Anh Khoa         | Nam       |         |
| 20  | 11.10   | Nguyễn Đình Bảo Kiệt    | Nam       |         |
| 21  | 11.10   | Phạm Mai Lam            | Nữ        |         |
| 22  | 11.10   | Hoàng Lâm               | Nam       |         |
| 23  | 11.10   | Nguyễn Thị Tuyết Linh   | Nữ        |         |
| 24  | 11.10   | Phạm Đình Uy Long       | Nam       |         |
| 25  | 11.10   | Phạm Sao Mai            | Nữ        |         |
| 26  | 11.10   | Đào Xuân Minh           | Nam       |         |
| 27  | 11.10   | Lê Hoàng Ti Na          | Nữ        |         |
| 28  | 11.10   | Hà Nguyễn Trung Nam     | Nam       |         |
| 29  | 11.10   | Lê Gia Nghi             | Nữ        |         |
| 30  | 11.10   | Nguyễn Đại Nghĩa        | Nam       |         |
| 31  | 11.10   | Lê Nguyễn Khánh Ngọc    | Nữ        |         |
| 32  | 11.10   | Nguyễn Phạm Thảo Nhi    | Nữ        |         |
| 33  | 11.10   | Phan Minh Nhựt          | Nam       |         |
| 34  | 11.10   | Lâm Thành Phát          | Nam       |         |
| 35  | 11.10   | Phạm Thành Phát         | Nam       |         |
| 36  | 11.10   | Lê Hoàng Phúc           | Nam       |         |
| 37  | 11.10   | Thái Mỹ Phụng           | Nữ        |         |
| 38  | 11.10   | Nguyễn Huỳnh Thục Quyên | Nữ        |         |
| 39  | 11.10   | Phạm Lê Diễm Quỳnh      | Nữ        |         |
| 40  | 11.10   | Dương Chí Thành         | Nam       |         |
| 41  | 11.10   | Đỗ Minh Thư             | Nữ        |         |
| 42  | 11.10   | Nguyễn Nghĩa Tiến       | Nam       |         |
| 43  | 11.10   | Nguyễn Huỳnh Ái Trân    | Nữ        |         |
| 44  | 11.10   | Cao Văn Tú              | Nam       |         |
| 45  | 11.10   | Lê Anh Tuấn             | Nam       |         |
| 46  | 11.10   | Nguyễn Tiến Vũ          | Nam       |         |
| 47  | 11.10   | Nguyễn Ngọc Thảo Vy     | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                  | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|-------------------------|-----------|---------|
| 1   | 11.11   | Đỗ Ngọc Hồng Anh        | Nữ        |         |
| 2   | 11.11   | Trần Nguyễn Minh Anh    | Nữ        |         |
| 3   | 11.11   | Hoàng Thị Quỳnh Anh     | Nữ        |         |
| 4   | 11.11   | Phan Minh Ân            | Nữ        |         |
| 5   | 11.11   | Lê Quốc Bảo             | Nam       |         |
| 6   | 11.11   | Hứa Kim Bửu             | Nam       |         |
| 7   | 11.11   | Phạm Thế Chiến          | Nam       |         |
| 8   | 11.11   | Hoàng Thái Dương        | Nam       |         |
| 9   | 11.11   | Phùng Võ Minh Đan       | Nữ        |         |
| 10  | 11.11   | Nguyễn Thúy Hà          | Nữ        |         |
| 11  | 11.11   | Lưu Ngọc Minh Hằng      | Nữ        |         |
| 12  | 11.11   | Nguyễn Lâm Bảo Hân      | Nữ        |         |
| 13  | 11.11   | Phạm Gia Huy            | Nam       |         |
| 14  | 11.11   | Nguyễn Quốc Huy         | Nam       |         |
| 15  | 11.11   | Bùi Thị Thanh Hương     | Nữ        |         |
| 16  | 11.11   | Lê Đăng Khoa            | Nam       |         |
| 17  | 11.11   | Nguyễn Minh Khôi        | Nam       |         |
| 18  | 11.11   | Phạm Anh Kiệt           | Nam       |         |
| 19  | 11.11   | Trần Phan Thùy Lâm      | Nữ        |         |
| 20  | 11.11   | Ngô Khánh Linh          | Nữ        |         |
| 21  | 11.11   | Nguyễn Trần Thảo My     | Nữ        |         |
| 22  | 11.11   | Huỳnh Lê Bảo Ngân       | Nữ        |         |
| 23  | 11.11   | Hồ Trọng Nghĩa          | Nam       |         |
| 24  | 11.11   | Trương Thị Yến Ngọc     | Nữ        |         |
| 25  | 11.11   | Đặng Võ Hồng Ngọc       | Nữ        |         |
| 26  | 11.11   | Nguyễn Hữu Khôi Nguyên  | Nam       |         |
| 27  | 11.11   | Nguyễn Đặng Yến Nhi     | Nữ        |         |
| 28  | 11.11   | Phan Thị Yến Nhi        | Nữ        |         |
| 29  | 11.11   | Trần Nguyễn Hồng Nhung  | Nữ        |         |
| 30  | 11.11   | Trần Thị Hoài Như       | Nữ        |         |
| 31  | 11.11   | Đặng Mai Thanh Phong    | Nam       |         |
| 32  | 11.11   | Trần Minh Phúc          | Nam       |         |
| 33  | 11.11   | Phạm Minh Phương        | Nữ        |         |
| 34  | 11.11   | Nguyễn Trọng Quân       | Nam       |         |
| 35  | 11.11   | Lê Sỹ Thiện             | Nam       |         |
| 36  | 11.11   | Nguyễn Anh Thư          | Nữ        |         |
| 37  | 11.11   | Trần Dương Anh Thư      | Nữ        |         |
| 38  | 11.11   | Hoàng Bảo Thy           | Nữ        |         |
| 39  | 11.11   | Nguyễn Thị Quỳnh Trâm   | Nữ        |         |
| 40  | 11.11   | Lê Ngọc Trúc            | Nữ        |         |
| 41  | 11.11   | Lê Thị Tươi             | Nữ        |         |
| 42  | 11.11   | Nguyễn Hà Gia Cát Tường | Nam       |         |
| 43  | 11.11   | Mạc Vũ Tường Vi         | Nữ        |         |
| 44  | 11.11   | Phạm Thị Phương Vy      | Nữ        |         |
| 45  | 11.11   | Trần Hồng Xuyên         | Nữ        |         |
| 46  | 11.11   | Trần Ngọc Như Ý         | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                  | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|-------------------------|-----------|---------|
| 1   | 11.12   | Lý Kim Anh              | Nữ        |         |
| 2   | 11.12   | Nguyễn Lê Quỳnh Anh     | Nữ        |         |
| 3   | 11.12   | Nguyễn Trần Đức Anh     | Nam       |         |
| 4   | 11.12   | Trương Ngọc Ánh         | Nữ        |         |
| 5   | 11.12   | Trần Lê Gia Bảo         | Nam       |         |
| 6   | 11.12   | Phạm Thị Diệu Châu      | Nữ        |         |
| 7   | 11.12   | Nguyễn Thị Kim Chi      | Nữ        |         |
| 8   | 11.12   | Hoàng Ngọc Dương        | Nam       |         |
| 9   | 11.12   | Thái Linh Đan           | Nữ        |         |
| 10  | 11.12   | Nguyễn Minh Đạt         | Nam       |         |
| 11  | 11.12   | Thân Ngọc Thanh Hằng    | Nữ        |         |
| 12  | 11.12   | Châu Gia Hân            | Nữ        |         |
| 13  | 11.12   | Nguyễn Thanh Hiền       | Nữ        |         |
| 14  | 11.12   | Huỳnh Hiệp Hòa          | Nam       |         |
| 15  | 11.12   | Trịnh Việt Hùng         | Nam       |         |
| 16  | 11.12   | Trần Trọng Quốc Huy     | Nam       |         |
| 17  | 11.12   | Tạ Thị Khánh Huyền      | Nữ        |         |
| 18  | 11.12   | Vũ Thị Thu Hương        | Nữ        |         |
| 19  | 11.12   | Trần Vương Thanh Khải   | Nam       |         |
| 20  | 11.12   | Nguyễn Đậu Thiện Khang  | Nam       |         |
| 21  | 11.12   | Phạm Hoàng Khánh        | Nữ        |         |
| 22  | 11.12   | Lê Đăng Gia Khiêm       | Nam       |         |
| 23  | 11.12   | Nguyễn Đăng Khoa        | Nam       |         |
| 24  | 11.12   | Phan Hoàng Anh Khôi     | Nam       |         |
| 25  | 11.12   | Lê Tuấn Kiệt            | Nam       |         |
| 26  | 11.12   | Đinh Hoàng Diệu Linh    | Nữ        |         |
| 27  | 11.12   | Nguyễn Hoàng Yên Linh   | Nữ        |         |
| 28  | 11.12   | Chu Thị Huyền My        | Nữ        |         |
| 29  | 11.12   | Phạm Dương Bảo Ngọc     | Nữ        |         |
| 30  | 11.12   | Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên | Nữ        |         |
| 31  | 11.12   | Đỗ Nguyên Băng Nhạn     | Nữ        |         |
| 32  | 11.12   | Bùi Thị Yên Nhi         | Nữ        |         |
| 33  | 11.12   | Nguyễn Thị Yến Như      | Nữ        |         |
| 34  | 11.12   | Huỳnh Thị Kim Phụng     | Nữ        |         |
| 35  | 11.12   | Phan Bình Bảo Quân      | Nam       |         |
| 36  | 11.12   | Trần Ngọc Tú Quỳnh      | Nữ        |         |
| 37  | 11.12   | Phạm Đức Tâm            | Nam       |         |
| 38  | 11.12   | Phạm Đức Thịnh          | Nam       |         |
| 39  | 11.12   | Lý Hoàng Anh Thư        | Nữ        |         |
| 40  | 11.12   | Trần Lê Minh Thư        | Nữ        |         |
| 41  | 11.12   | Nguyễn Thu Trang        | Nữ        |         |
| 42  | 11.12   | Đoàn Lê Thiên Tú        | Nữ        |         |
| 43  | 11.12   | Bùi Ngọc Tuyền          | Nữ        |         |
| 44  | 11.12   | Hồ Thanh Vân            | Nữ        |         |
| 45  | 11.12   | Trương Ngọc Khánh Vy    | Nữ        |         |
| 46  | 11.12   | Nguyễn Kim Yên          | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|-----------------------|-----------|---------|
| 1   | 11.13   | Nguyễn Hoàng An       | Nam       |         |
| 2   | 11.13   | Đoàn Hồng Anh         | Nữ        |         |
| 3   | 11.13   | Giản Ngọc Quỳnh Anh   | Nữ        |         |
| 4   | 11.13   | Nguyễn Đỗ Khánh Bảo   | Nam       |         |
| 5   | 11.13   | Phạm Thị Huyền Diệu   | Nữ        |         |
| 6   | 11.13   | Trịnh Phát Đạt        | Nam       |         |
| 7   | 11.13   | Trần Tuấn Hải         | Nam       |         |
| 8   | 11.13   | Hà Thị Thu Hằng       | Nữ        |         |
| 9   | 11.13   | Nguyễn Lý Gia Hân     | Nữ        |         |
| 10  | 11.13   | Phạm Đình Gia Huy     | Nam       |         |
| 11  | 11.13   | Chu Đình Khánh Huy    | Nam       |         |
| 12  | 11.13   | Trần Đức Khải         | Nam       |         |
| 13  | 11.13   | Trương Tuấn Kiệt      | Nam       |         |
| 14  | 11.13   | Võ Tuấn Kiệt          | Nam       |         |
| 15  | 11.13   | Lê Thị Lanh           | Nữ        |         |
| 16  | 11.13   | Lê Phạm Yên Linh      | Nữ        |         |
| 17  | 11.13   | Nguyễn Thiên Phú Lộc  | Nam       |         |
| 18  | 11.13   | Lê Hồng Xuân Mai      | Nữ        |         |
| 19  | 11.13   | Nguyễn Thị Ái Mỹ      | Nữ        |         |
| 20  | 11.13   | Nguyễn Nhật Hoàng Nam | Nam       |         |
| 21  | 11.13   | Đoàn Ngọc Thúy Ngân   | Nữ        |         |
| 22  | 11.13   | Cổ Hoàng Lan Nghi     | Nữ        |         |
| 23  | 11.13   | Nguyễn Thị Bích Ngọc  | Nữ        |         |
| 24  | 11.13   | Trịnh Tuyết Ngọc      | Nữ        |         |
| 25  | 11.13   | Đỗ Huỳnh Anh Nguyên   | Nam       |         |
| 26  | 11.13   | Huỳnh Bảo Như         | Nữ        |         |
| 27  | 11.13   | Nguyễn Phạm Quỳnh Như | Nữ        |         |
| 28  | 11.13   | Nguyễn Điền Đan Phi   | Nữ        |         |
| 29  | 11.13   | Nguyễn Hồ Tích Phú    | Nam       |         |
| 30  | 11.13   | Nguyễn Trúc Quỳnh     | Nữ        |         |
| 31  | 11.13   | Bùi Thông Thái        | Nam       |         |
| 32  | 11.13   | Đoàn Tấn Thành        | Nam       |         |
| 33  | 11.13   | Đặng Thị Phương Thảo  | Nữ        |         |
| 34  | 11.13   | Đặng Minh Thư         | Nữ        |         |
| 35  | 11.13   | Huỳnh Nguyễn Anh Thư  | Nữ        |         |
| 36  | 11.13   | Nguyễn Bảo Thy        | Nữ        |         |
| 37  | 11.13   | Nguyễn Cao Minh Tiến  | Nam       |         |
| 38  | 11.13   | Nguyễn Lê Tuyết Trinh | Nữ        |         |
| 39  | 11.13   | Nguyễn Mai Trúc       | Nữ        |         |
| 40  | 11.13   | Nguyễn Hữu Quốc Tuấn  | Nam       |         |
| 41  | 11.13   | Nguyễn Như Tuyết      | Nữ        |         |
| 42  | 11.13   | Nguyễn Tôn Thiên Ý    | Nữ        |         |

## DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                 | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|------------------------|-----------|---------|
| 1   | 11.14   | Huỳnh Nguyên An An     | Nữ        |         |
| 2   | 11.14   | Nguyễn Hoàng Vân Anh   | Nữ        |         |
| 3   | 11.14   | Thống Quỳnh Anh        | Nữ        |         |
| 4   | 11.14   | Trần Tú Anh            | Nữ        |         |
| 5   | 11.14   | Nguyễn Việt Anh        | Nam       |         |
| 6   | 11.14   | Thái Đình Chương       | Nam       |         |
| 7   | 11.14   | Nguyễn Thị Hồng Diễm   | Nữ        |         |
| 8   | 11.14   | Đào Bạch Diệp          | Nữ        |         |
| 9   | 11.14   | Nguyễn Hoàng Hạnh Dung | Nữ        |         |
| 10  | 11.14   | Phù Văn Chí Dũng       | Nam       |         |
| 11  | 11.14   | Huỳnh Thị Cẩm Đào      | Nữ        |         |
| 12  | 11.14   | Đồng Nhựt Hào          | Nam       |         |
| 13  | 11.14   | Bồ Kim Hằng            | Nữ        |         |
| 14  | 11.14   | Trần Ngọc Minh Hằng    | Nữ        |         |
| 15  | 11.14   | Dương Ngọc Hân         | Nữ        |         |
| 16  | 11.14   | Lê Danh Ngọc Hùng      | Nam       |         |
| 17  | 11.14   | Lâm Gia Huy            | Nam       |         |
| 18  | 11.14   | Nguyễn Bảo Khang       | Nam       |         |
| 19  | 11.14   | Trần Quốc Khánh        | Nam       |         |
| 20  | 11.14   | Tổng Đăng Khoa         | Nam       |         |
| 21  | 11.14   | Đậu Minh Tuấn Kiệt     | Nam       |         |
| 22  | 11.14   | Bùi Lê Nhật Linh       | Nữ        |         |
| 23  | 11.14   | Lư Vũ Trúc Linh        | Nữ        |         |
| 24  | 11.14   | Nguyễn Đức Long        | Nam       |         |
| 25  | 11.14   | Nguyễn Đỗ Mẫn My       | Nữ        |         |
| 26  | 11.14   | Nguyễn Khắc Thành Nam  | Nam       |         |
| 27  | 11.14   | Trần Minh Nghĩa        | Nam       |         |
| 28  | 11.14   | Nguyễn Phương Như Ngọc | Nữ        |         |
| 29  | 11.14   | Vương Tuyết Nhi        | Nữ        |         |
| 30  | 11.14   | Nguyễn Hồng Nhung      | Nữ        |         |
| 31  | 11.14   | Vũ Hoàng Yến Như       | Nữ        |         |
| 32  | 11.14   | Nguyễn Quỳnh Như       | Nữ        |         |
| 33  | 11.14   | Huỳnh Ngọc Bảo Quyên   | Nữ        |         |
| 34  | 11.14   | Lê Văn Thanh           | Nam       |         |
| 35  | 11.14   | Cao Nguyễn Thiện       | Nam       |         |
| 36  | 11.14   | Phạm Anh Thư           | Nữ        |         |
| 37  | 11.14   | Vũ Hà Anh Thư          | Nữ        |         |
| 38  | 11.14   | Huỳnh Lê Mỹ Trân       | Nữ        |         |
| 39  | 11.14   | Nguyễn Thanh Trúc      | Nữ        |         |
| 40  | 11.14   | Ngô Minh Tuệ           | Nữ        |         |
| 41  | 11.14   | Trần Đình Tùng         | Nam       |         |
| 42  | 11.14   | Vũ Thị Tường Vi        | Nữ        |         |
| 43  | 11.14   | Lương Tường Vy         | Nữ        |         |
| 44  | 11.14   | Nguyễn Huỳnh Như Ý     | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|-----------------------|-----------|---------|
| 1   | 11.15   | Phan Nguyễn Mai Anh   | Nữ        |         |
| 2   | 11.15   | Nguyễn Thị Minh Anh   | Nữ        |         |
| 3   | 11.15   | Lê Tuấn Anh           | Nam       |         |
| 4   | 11.15   | Trần Hữu Bằng         | Nam       |         |
| 5   | 11.15   | Bùi Ngọc Khánh Bình   | Nữ        |         |
| 6   | 11.15   | Phạm Hà Khánh Chi     | Nữ        |         |
| 7   | 11.15   | Nguyễn Ngọc Bích Diệp | Nữ        |         |
| 8   | 11.15   | Huỳnh Tấn Dũng        | Nam       |         |
| 9   | 11.15   | Trần Việt Dũng        | Nam       |         |
| 10  | 11.15   | Bùi Minh Duy          | Nam       |         |
| 11  | 11.15   | Nguyễn Tấn Đạt        | Nam       |         |
| 12  | 11.15   | Lâm Gia Hân           | Nữ        |         |
| 13  | 11.15   | Lê Hoàng Gia Hân      | Nữ        |         |
| 14  | 11.15   | Nguyễn Thu Hiền       | Nữ        |         |
| 15  | 11.15   | Lê Thị Khánh Huyền    | Nữ        |         |
| 16  | 11.15   | Trần Thị Quỳnh Hương  | Nữ        |         |
| 17  | 11.15   | Hoàng Hoài Linh       | Nam       |         |
| 18  | 11.15   | Trần Thanh Mẫn        | Nữ        |         |
| 19  | 11.15   | Phạm Tuấn Minh        | Nam       |         |
| 20  | 11.15   | Lê Thị Bảo Ngọc       | Nữ        |         |
| 21  | 11.15   | Nguyễn Hoài Thanh Nhã | Nữ        |         |
| 22  | 11.15   | Lê Chí Nhân           | Nam       |         |
| 23  | 11.15   | Nguyễn Thảo Nhi       | Nữ        |         |
| 24  | 11.15   | Phạm Thị Vân Nhi      | Nữ        |         |
| 25  | 11.15   | Ín Nguyễn Tuyết Như   | Nữ        |         |
| 26  | 11.15   | Lê Tâm Như            | Nữ        |         |
| 27  | 11.15   | Nguyễn Thanh Phú      | Nam       |         |
| 28  | 11.15   | Phan Hồng Phúc        | Nam       |         |
| 29  | 11.15   | Lê Nhật Thanh         | Nam       |         |
| 30  | 11.15   | Huỳnh Thị Thanh Thảo  | Nữ        |         |
| 31  | 11.15   | Hoàng Chí Thiện       | Nam       |         |
| 32  | 11.15   | Bùi Ngọc Kim Thư      | Nữ        |         |
| 33  | 11.15   | Tạ Thị Minh Thư       | Nữ        |         |
| 34  | 11.15   | Trần Đỗ Thanh Trà     | Nữ        |         |
| 35  | 11.15   | Bồ Thị Cẩm Tú         | Nữ        |         |
| 36  | 11.15   | Thượng Thanh Tuyền    | Nữ        |         |
| 37  | 11.15   | Phạm Hoàng Vy         | Nữ        |         |
| 38  | 11.15   | Vũ Huỳnh Yến Vy       | Nữ        |         |
| 39  | 11.15   | Huỳnh Khánh Vy        | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                 | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|------------------------|-----------|---------|
| 1   | 11.16   | Trần Đỗ Ngọc Anh       | Nữ        |         |
| 2   | 11.16   | Đoàn Nguyễn Mai Anh    | Nữ        |         |
| 3   | 11.16   | Trần Phạm Minh Anh     | Nữ        |         |
| 4   | 11.16   | Lê Trâm Anh            | Nữ        |         |
| 5   | 11.16   | Trần Gia Bảo           | Nam       |         |
| 6   | 11.16   | Tưởng Thị Mai Dung     | Nữ        |         |
| 7   | 11.16   | Nguyễn Tất Dũng        | Nam       |         |
| 8   | 11.16   | Nguyễn Thanh Duy       | Nam       |         |
| 9   | 11.16   | Trần Ngọc Gia Hân      | Nữ        |         |
| 10  | 11.16   | Nguyễn Thanh Hiền      | Nữ        |         |
| 11  | 11.16   | Nguyễn Sinh Hùng       | Nam       |         |
| 12  | 11.16   | Lê Khánh Huyền         | Nữ        |         |
| 13  | 11.16   | Nguyễn Thanh Vân Khánh | Nữ        |         |
| 14  | 11.16   | Dương Huỳnh Đăng Khoa  | Nam       |         |
| 15  | 11.16   | Phan Bùi Mai Lê Khuyên | Nữ        |         |
| 16  | 11.16   | Lù Khang Lan           | Nữ        |         |
| 17  | 11.16   | Nguyễn Thùy Linh       | Nữ        |         |
| 18  | 11.16   | Trần Tuấn Minh         | Nam       |         |
| 19  | 11.16   | Phan Hà Khánh Ngân     | Nữ        |         |
| 20  | 11.16   | Hoàng Thị Tuyết Nhi    | Nữ        |         |
| 21  | 11.16   | Đoàn Thị Yến Nhi       | Nữ        |         |
| 22  | 11.16   | Phạm Quỳnh Như         | Nữ        |         |
| 23  | 11.16   | Phạm Thị Tâm Như       | Nữ        |         |
| 24  | 11.16   | Đào Nguyễn Trường Phát | Nam       |         |
| 25  | 11.16   | Đặng Phước Sang        | Nam       |         |
| 26  | 11.16   | Nguyễn Thành Ngọc Tài  | Nam       |         |
| 27  | 11.16   | Nguyễn Thị Thanh Thảo  | Nữ        |         |
| 28  | 11.16   | Nguyễn Minh Thư        | Nữ        |         |
| 29  | 11.16   | Nguyễn Thị Quyền Trang | Nữ        |         |
| 30  | 11.16   | Nguyễn Bảo Trâm        | Nữ        |         |
| 31  | 11.16   | Nguyễn Văn Trường      | Nam       |         |
| 32  | 11.16   | Nguyễn Hoàng Anh Tuấn  | Nam       |         |
| 33  | 11.16   | Nguyễn Thị Thanh Tuyền | Nữ        |         |
| 34  | 11.16   | Ngô Lê Phương Vy       | Nữ        |         |
| 35  | 11.16   | Trương Nguyễn Tường Vy | Nữ        |         |
| 36  | 11.16   | Phan Thị Bảo Vy        | Nữ        |         |
| 37  | 11.16   | Lê Hải Yến             | Nữ        |         |

## DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                 | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|------------------------|-----------|---------|
| 1   | 12.1    | Phan Đỗ Quỳnh Anh      | Nữ        |         |
| 2   | 12.1    | Giáp Nguyên Quốc Anh   | Nam       |         |
| 3   | 12.1    | Trần Nguyễn Duy Bảo    | Nam       |         |
| 4   | 12.1    | Lê Văn Bằng            | Nam       |         |
| 5   | 12.1    | Mai Bảo Châu           | Nữ        |         |
| 6   | 12.1    | Nguyễn Ngọc Diệp       | Nữ        |         |
| 7   | 12.1    | Lê Nguyễn Thùy Dương   | Nữ        |         |
| 8   | 12.1    | Chu Thanh Dương        | Nam       |         |
| 9   | 12.1    | Lưu Thanh Hoàn         | Nam       |         |
| 10  | 12.1    | Lê Khắc Hùng           | Nam       |         |
| 11  | 12.1    | Lê Gia Huy             | Nam       |         |
| 12  | 12.1    | Hoàng Huy              | Nam       |         |
| 13  | 12.1    | Quách Thanh Huyền      | Nữ        |         |
| 14  | 12.1    | Nguyễn Thị Thu Hương   | Nữ        |         |
| 15  | 12.1    | Nguyễn Đình Phúc Khang | Nam       |         |
| 16  | 12.1    | Đỗ Hoàng Khoa          | Nam       |         |
| 17  | 12.1    | Trần Phúc Lâm          | Nam       |         |
| 18  | 12.1    | Nguyễn Hoàng Long      | Nam       |         |
| 19  | 12.1    | Bùi Tân Quang Minh     | Nam       |         |
| 20  | 12.1    | Nguyễn Thị Kim Ngân    | Nữ        |         |
| 21  | 12.1    | Lê Bích Ngọc           | Nữ        |         |
| 22  | 12.1    | Nguyễn Lý Như Nguyệt   | Nữ        |         |
| 23  | 12.1    | Thượng Thị Huỳnh Như   | Nữ        |         |
| 24  | 12.1    | Dương Thị Quỳnh Như    | Nữ        |         |
| 25  | 12.1    | Huỳnh Hoàng Phúc       | Nam       |         |
| 26  | 12.1    | Nguyễn Hoàng Phúc      | Nam       |         |
| 27  | 12.1    | Lê Thị Kim Phụng       | Nữ        |         |
| 28  | 12.1    | Lê Minh Phước          | Nam       |         |
| 29  | 12.1    | Nguyễn Minh Quang      | Nam       |         |
| 30  | 12.1    | Nguyễn Minh Quân       | Nam       |         |
| 31  | 12.1    | Trịnh Quân             | Nam       |         |
| 32  | 12.1    | Đoàn Thị Như Quỳnh     | Nữ        |         |
| 33  | 12.1    | Nguyễn Tiến Sỹ         | Nam       |         |
| 34  | 12.1    | Trương Quang Thái      | Nam       |         |
| 35  | 12.1    | Phạm Lê Phương Thảo    | Nữ        |         |
| 36  | 12.1    | Tô Phương Thảo         | Nữ        |         |
| 37  | 12.1    | Lê Chí Thịnh           | Nam       |         |
| 38  | 12.1    | Nguyễn Thị Anh Thư     | Nữ        |         |
| 39  | 12.1    | Thái Phúc Tín          | Nam       |         |
| 40  | 12.1    | Phạm Việt Trung        | Nam       |         |
| 41  | 12.1    | Đặng Thanh Tuyền       | Nữ        |         |
| 42  | 12.1    | Đỗ Thị Kim Tuyền       | Nữ        |         |
| 43  | 12.1    | Đặng Quang Vinh        | Nam       |         |
| 44  | 12.1    | Trần Thế Vinh          | Nam       |         |
| 45  | 12.1    | Hà Hoàng Vy            | Nữ        |         |
| 46  | 12.1    | Nguyễn Thị Hồng Yến    | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                  | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|-------------------------|-----------|---------|
| 1   | 12.2    | Nguyễn Lê Dân An        | Nữ        |         |
| 2   | 12.2    | Võ Ngọc Anh             | Nữ        |         |
| 3   | 12.2    | Nguyễn Thiên Ánh        | Nữ        |         |
| 4   | 12.2    | Nguyễn Thanh Bình       | Nam       |         |
| 5   | 12.2    | Phạm Thanh Bình         | Nam       |         |
| 6   | 12.2    | Trần Duy Khánh Chi      | Nữ        |         |
| 7   | 12.2    | Hoàng Ngọc Danh         | Nam       |         |
| 8   | 12.2    | Nguyễn Thị Hồng Đào     | Nữ        |         |
| 9   | 12.2    | Bùi Nguyễn Trúc Giang   | Nữ        |         |
| 10  | 12.2    | Đinh Thị Thu Hà         | Nữ        |         |
| 11  | 12.2    | Huỳnh Gia Huy           | Nam       |         |
| 12  | 12.2    | Nguyễn Ngọc Thiên Hương | Nữ        |         |
| 13  | 12.2    | Hồ Sỹ Duy Khang         | Nam       |         |
| 14  | 12.2    | Nguyễn Quốc Khánh       | Nam       |         |
| 15  | 12.2    | Đặng Nguyễn Anh Khoa    | Nam       |         |
| 16  | 12.2    | Nguyễn Minh Khôi        | Nam       |         |
| 17  | 12.2    | Nguyễn Hoàng Lâm        | Nam       |         |
| 18  | 12.2    | Lê Thị Kim Loan         | Nữ        |         |
| 19  | 12.2    | Từ Anh Minh             | Nam       |         |
| 20  | 12.2    | Ngô Đăng Hải Nam        | Nam       |         |
| 21  | 12.2    | Nguyễn Như Ngọc         | Nữ        |         |
| 22  | 12.2    | Lâm Thái Thanh Ngọc     | Nữ        |         |
| 23  | 12.2    | Đoàn Nhất Nguyên        | Nam       |         |
| 24  | 12.2    | Hà Trọng Nguyên         | Nam       |         |
| 25  | 12.2    | Nguyễn Quang Nhân       | Nam       |         |
| 26  | 12.2    | Nguyễn Hoàng Như        | Nữ        |         |
| 27  | 12.2    | Huỳnh Minh Niên         | Nam       |         |
| 28  | 12.2    | Nguyễn Hoàng Đại Phát   | Nam       |         |
| 29  | 12.2    | Nguyễn Tấn Phát         | Nam       |         |
| 30  | 12.2    | Trương Hà Phương        | Nữ        |         |
| 31  | 12.2    | Nguyễn Thị Thu Phương   | Nữ        |         |
| 32  | 12.2    | Võ Mẫn Quân             | Nữ        |         |
| 33  | 12.2    | Nguyễn Thị Kim Quyên    | Nữ        |         |
| 34  | 12.2    | Trần Văn Thành          | Nam       |         |
| 35  | 12.2    | Văn Hoàng Chí Thiện     | Nam       |         |
| 36  | 12.2    | Võ Anh Thư              | Nữ        |         |
| 37  | 12.2    | Trần Anh Thy            | Nữ        |         |
| 38  | 12.2    | Trương Hoài Bảo Thy     | Nữ        |         |
| 39  | 12.2    | Nguyễn Ngọc Bảo Thy     | Nữ        |         |
| 40  | 12.2    | Huỳnh Trọng Tín         | Nam       |         |
| 41  | 12.2    | Phạm Nguyễn Huyền Trang | Nữ        |         |
| 42  | 12.2    | Thân Đức Tùng           | Nam       |         |
| 43  | 12.2    | Đặng Văn Tùng           | Nam       |         |
| 44  | 12.2    | Phạm Thị Cẩm Vân        | Nữ        |         |
| 45  | 12.2    | Nguyễn Hoàng Việt       | Nam       |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                 | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|------------------------|-----------|---------|
| 1   | 12.3    | Nguyễn Minh An         | Nam       |         |
| 2   | 12.3    | Trần Bảo Anh           | Nam       |         |
| 3   | 12.3    | Trần Ngọc Quỳnh Anh    | Nữ        |         |
| 4   | 12.3    | Lê Đình Bảo            | Nam       |         |
| 5   | 12.3    | Phạm Thị Kim Châu      | Nữ        |         |
| 6   | 12.3    | Nguyễn Lê Hoàng Duy    | Nam       |         |
| 7   | 12.3    | Nguyễn Phạm Khánh Duy  | Nam       |         |
| 8   | 12.3    | Bùi Thị Thùy Dương     | Nữ        |         |
| 9   | 12.3    | Nguyễn Hải Đăng        | Nam       |         |
| 10  | 12.3    | Nguyễn Hương Giang     | Nữ        |         |
| 11  | 12.3    | Nguyễn Thị Hải Hà      | Nữ        |         |
| 12  | 12.3    | Nguyễn Võ Nhựt Hào     | Nam       |         |
| 13  | 12.3    | Phạm Thị Thu Hằng      | Nữ        |         |
| 14  | 12.3    | Nguyễn Thái Hoàng      | Nam       |         |
| 15  | 12.3    | Nguyễn Nhật Huy        | Nam       |         |
| 16  | 12.3    | Lê Trần Quốc Huy       | Nam       |         |
| 17  | 12.3    | Võ Quang Khải          | Nam       |         |
| 18  | 12.3    | Nguyễn Phúc An Khang   | Nam       |         |
| 19  | 12.3    | Nguyễn Huỳnh Minh Khôi | Nam       |         |
| 20  | 12.3    | Mai Trần Tuấn Kiệt     | Nam       |         |
| 21  | 12.3    | Cao Hoàng Lâm          | Nam       |         |
| 22  | 12.3    | Nguyễn Thị Linh        | Nữ        |         |
| 23  | 12.3    | Trịnh Hương Ly         | Nữ        |         |
| 24  | 12.3    | Lê Nhật Minh           | Nam       |         |
| 25  | 12.3    | Đoàn Tuấn Minh         | Nam       |         |
| 26  | 12.3    | Trịnh Trọng Nam        | Nam       |         |
| 27  | 12.3    | Võ Thị Thiên Ngân      | Nữ        |         |
| 28  | 12.3    | Nguyễn Trọng Nghĩa     | Nam       |         |
| 29  | 12.3    | Trần Khánh Ngọc        | Nữ        |         |
| 30  | 12.3    | Nguyễn Văn Nhân        | Nam       |         |
| 31  | 12.3    | Nguyễn Thị Yến Nhi     | Nữ        |         |
| 32  | 12.3    | Hồ Quỳnh Như           | Nữ        |         |
| 33  | 12.3    | Huỳnh Thị Ngọc Như     | Nữ        |         |
| 34  | 12.3    | Nguyễn Ngọc Diễm Quỳnh | Nữ        |         |
| 35  | 12.3    | Nguyễn Hồng Tài        | Nam       |         |
| 36  | 12.3    | Nguyễn Trung Thành     | Nam       |         |
| 37  | 12.3    | Đông Thanh Thảo        | Nữ        |         |
| 38  | 12.3    | Vũ Thanh Thảo          | Nữ        |         |
| 39  | 12.3    | Nguyễn Đức Thiện       | Nam       |         |
| 40  | 12.3    | Lê Thị Anh Thư         | Nữ        |         |
| 41  | 12.3    | Nguyễn Lê Thủy Tiên    | Nữ        |         |
| 42  | 12.3    | Lương Thị Thủy Tiên    | Nữ        |         |
| 43  | 12.3    | Nguyễn Thành Trung     | Nam       |         |
| 44  | 12.3    | Lê Ngô Anh Tuấn        | Nam       |         |
| 45  | 12.3    | Biện Phước Cát Tường   | Nữ        |         |
| 46  | 12.3    | Nguyễn Ngọc Xuân Vy    | Nữ        |         |
| 47  | 12.3    | Đỗ Thị Hải Yến         | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|-----------------------|-----------|---------|
| 1   | 12.4    | Dương Thái An         | Nữ        |         |
| 2   | 12.4    | Đinh Thị Châu Anh     | Nữ        |         |
| 3   | 12.4    | Trần Danh Bảo         | Nam       |         |
| 4   | 12.4    | Trần Minh Chánh       | Nam       |         |
| 5   | 12.4    | Trần Thị Hồng Châu    | Nữ        |         |
| 6   | 12.4    | Nguyễn Hồng Anh Dũng  | Nam       |         |
| 7   | 12.4    | Nguyễn Minh Duy       | Nam       |         |
| 8   | 12.4    | Đỗ Thùy Dương         | Nữ        |         |
| 9   | 12.4    | Nguyễn Thành Đạt      | Nam       |         |
| 10  | 12.4    | An Việt Đức           | Nam       |         |
| 11  | 12.4    | Nguyễn Lý Minh Hạnh   | Nữ        |         |
| 12  | 12.4    | Trần Anh Hào          | Nam       |         |
| 13  | 12.4    | Phan Phúc Hậu         | Nam       |         |
| 14  | 12.4    | Tưởng Đức Hiếu        | Nam       |         |
| 15  | 12.4    | Dương Công Huy        | Nam       |         |
| 16  | 12.4    | Nguyễn Gia Huy        | Nam       |         |
| 17  | 12.4    | Nguyễn Bảo Khang      | Nam       |         |
| 18  | 12.4    | Nguyễn Phúc Khang     | Nam       |         |
| 19  | 12.4    | Đinh Phạm Anh Khoa    | Nam       |         |
| 20  | 12.4    | Trần Nguyễn Hoàng Kim | Nữ        |         |
| 21  | 12.4    | Đoàn Thị Hà Linh      | Nữ        |         |
| 22  | 12.4    | Trương Văn Long       | Nam       |         |
| 23  | 12.4    | Nguyễn Khánh Ly       | Nữ        |         |
| 24  | 12.4    | Nguyễn Quang Mạnh     | Nam       |         |
| 25  | 12.4    | Phan Huỳnh Kim Ngân   | Nữ        |         |
| 26  | 12.4    | Trà Phạm Thanh Ngân   | Nữ        |         |
| 27  | 12.4    | Nguyễn Phúc Bảo Nghi  | Nữ        |         |
| 28  | 12.4    | Nguyễn Lê Oanh Ngọc   | Nữ        |         |
| 29  | 12.4    | Trần Quang Ngọc       | Nam       |         |
| 30  | 12.4    | Huỳnh Ý Nhã           | Nữ        |         |
| 31  | 12.4    | Nguyễn Minh Nhật      | Nam       |         |
| 32  | 12.4    | Lê Tâm Nhi            | Nữ        |         |
| 33  | 12.4    | Vũ Thị Yến Nhi        | Nữ        |         |
| 34  | 12.4    | Đinh Thị Huỳnh Như    | Nữ        |         |
| 35  | 12.4    | Nguyễn Bảo Ny         | Nữ        |         |
| 36  | 12.4    | Lê Đình Phụng         | Nam       |         |
| 37  | 12.4    | Hoàng Lê Minh Sang    | Nam       |         |
| 38  | 12.4    | Vũ Ngọc Phương Thảo   | Nữ        |         |
| 39  | 12.4    | Nguyễn Phương Thảo    | Nữ        |         |
| 40  | 12.4    | Võ Dương Anh Thư      | Nữ        |         |
| 41  | 12.4    | Trương Thị Kiều Tiên  | Nữ        |         |
| 42  | 12.4    | Nguyễn Văn Quý Triệu  | Nam       |         |
| 43  | 12.4    | Lê Nguyễn Tuấn Tú     | Nam       |         |
| 44  | 12.4    | Nguyễn Minh Tường     | Nam       |         |
| 45  | 12.4    | Nguyễn Lê Yến Vy      | Nữ        |         |
| 46  | 12.4    | Giang Thị Như Ý       | Nữ        |         |
| 47  | 12.4    | Nguyễn Hoàng Yến      | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                 | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|------------------------|-----------|---------|
| 1   | 12.5    | Bùi Trần Vân An        | Nữ        |         |
| 2   | 12.5    | Nguyễn Hoàng Anh       | Nam       |         |
| 3   | 12.5    | Lê Ngọc Anh            | Nữ        |         |
| 4   | 12.5    | Trần Nguyễn Duy Anh    | Nam       |         |
| 5   | 12.5    | Đỗ Gia Bảo             | Nam       |         |
| 6   | 12.5    | Hoàng Phi Dũng         | Nam       |         |
| 7   | 12.5    | Huỳnh Tấn Dũng         | Nam       |         |
| 8   | 12.5    | Nguyễn Anh Đài         | Nữ        |         |
| 9   | 12.5    | Trần Phúc Đạt          | Nam       |         |
| 10  | 12.5    | Nguyễn Ngọc Ngân Hà    | Nữ        |         |
| 11  | 12.5    | Võ Công Hào            | Nam       |         |
| 12  | 12.5    | Nguyễn Dương Gia Hào   | Nam       |         |
| 13  | 12.5    | Lê Gia Hân             | Nữ        |         |
| 14  | 12.5    | Nguyễn Ngọc Gia Hân    | Nữ        |         |
| 15  | 12.5    | Phạm Ngọc Gia Hân      | Nữ        |         |
| 16  | 12.5    | Trần Duy Hoàng         | Nam       |         |
| 17  | 12.5    | Nguyễn Thị Hồng Huế    | Nữ        |         |
| 18  | 12.5    | Nguyễn Trung Kiên      | Nam       |         |
| 19  | 12.5    | Phan Thị Tú Liên       | Nữ        |         |
| 20  | 12.5    | Nguyễn Võ Diệu Linh    | Nữ        |         |
| 21  | 12.5    | Hồ Nguyễn Ngọc My      | Nữ        |         |
| 22  | 12.5    | Lê Thanh Ngân          | Nữ        |         |
| 23  | 12.5    | Trần Thị Hồng Ngọc     | Nữ        |         |
| 24  | 12.5    | Trương Vũ Bích Ngọc    | Nữ        |         |
| 25  | 12.5    | Vũ Đình Nhân           | Nam       |         |
| 26  | 12.5    | Trương Thị Nhân        | Nữ        |         |
| 27  | 12.5    | Tạ Thiện Nhân          | Nam       |         |
| 28  | 12.5    | Hạ Minh Nhật           | Nam       |         |
| 29  | 12.5    | Vương Bảo Nhi          | Nữ        |         |
| 30  | 12.5    | Phạm Tuấn Phong        | Nam       |         |
| 31  | 12.5    | Bùi Minh Phương        | Nam       |         |
| 32  | 12.5    | Cao Thị Thanh Phương   | Nữ        |         |
| 33  | 12.5    | Nguyễn Chí Quang       | Nam       |         |
| 34  | 12.5    | Trần Thị Diễm Quỳnh    | Nữ        |         |
| 35  | 12.5    | Nguyễn Trần Minh Sơn   | Nam       |         |
| 36  | 12.5    | Hồ Nguyễn Hiếu Tâm     | Nữ        |         |
| 37  | 12.5    | Trần Nhật Minh Tân     | Nam       |         |
| 38  | 12.5    | Nguyễn Nhật Tấn        | Nam       |         |
| 39  | 12.5    | Nguyễn Quốc Thiện      | Nam       |         |
| 40  | 12.5    | Nguyễn Thị Hoài Thương | Nữ        |         |
| 41  | 12.5    | Lê Thu Trang           | Nữ        |         |
| 42  | 12.5    | Nguyễn Thị Trâm        | Nữ        |         |
| 43  | 12.5    | Trần Hoàng Mỹ Uyên     | Nữ        |         |
| 44  | 12.5    | Nguyễn Phi Thanh Vân   | Nữ        |         |
| 45  | 12.5    | Nguyễn Hữu Việt        | Nam       |         |
| 46  | 12.5    | Ngô Huỳnh Yên Vy       | Nữ        |         |
| 47  | 12.5    | Nguyễn Thị Như Ý       | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                 | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|------------------------|-----------|---------|
| 1   | 12.6    | Nguyễn Ngọc Bảo An     | Nam       |         |
| 2   | 12.6    | Đinh Đức Anh           | Nam       |         |
| 3   | 12.6    | Tạ Thiên Ân            | Nam       |         |
| 4   | 12.6    | Nguyễn Đỗ Kim Chi      | Nữ        |         |
| 5   | 12.6    | Phạm Huyền Diệu        | Nữ        |         |
| 6   | 12.6    | Lâm Thị Cẩm Đào        | Nữ        |         |
| 7   | 12.6    | Nguyễn Minh Đạt        | Nam       |         |
| 8   | 12.6    | Lê Gia Điền            | Nam       |         |
| 9   | 12.6    | Phạm Anh Đức           | Nam       |         |
| 10  | 12.6    | Phạm Hữu Đức           | Nam       |         |
| 11  | 12.6    | Đỗ Huy Hoàng           | Nam       |         |
| 12  | 12.6    | Đinh Thị Cẩm Hương     | Nữ        |         |
| 13  | 12.6    | Triệu Nguyễn Gia Khánh | Nữ        |         |
| 14  | 12.6    | Nguyễn Đăng Khoa       | Nam       |         |
| 15  | 12.6    | Nguyễn Anh Kiệt        | Nam       |         |
| 16  | 12.6    | Lê Thị Hà Linh         | Nữ        |         |
| 17  | 12.6    | Nguyễn Hoàng Long      | Nam       |         |
| 18  | 12.6    | Lê Thị Xuân Mai        | Nữ        |         |
| 19  | 12.6    | Dương Nhật Minh        | Nam       |         |
| 20  | 12.6    | Trần Đoàn Thảo My      | Nữ        |         |
| 21  | 12.6    | Nguyễn Ngọc Kiều My    | Nữ        |         |
| 22  | 12.6    | Đoàn Thị Thảo Ngân     | Nữ        |         |
| 23  | 12.6    | Trần Nguyễn Minh Nhật  | Nam       |         |
| 24  | 12.6    | Hồ Hạnh Nhung          | Nữ        |         |
| 25  | 12.6    | Lương Tâm Như          | Nữ        |         |
| 26  | 12.6    | Nguyễn Minh Phát       | Nam       |         |
| 27  | 12.6    | Vũ Thiên Phú           | Nam       |         |
| 28  | 12.6    | Trịnh Võ Minh Phương   | Nữ        |         |
| 29  | 12.6    | Trần Lê Diễm Quỳnh     | Nữ        |         |
| 30  | 12.6    | Nguyễn Văn Sơn         | Nam       |         |
| 31  | 12.6    | Phạm Hoàng Thái        | Nam       |         |
| 32  | 12.6    | Nguyễn Công Thành      | Nam       |         |
| 33  | 12.6    | Nguyễn Bảo Thy         | Nữ        |         |
| 34  | 12.6    | Lê Lý Kiều Trang       | Nữ        |         |
| 35  | 12.6    | Dương Ngọc Bảo Trân    | Nữ        |         |
| 36  | 12.6    | Huỳnh Vũ Ngọc Trân     | Nữ        |         |
| 37  | 12.6    | Nguyễn Thiên Triều     | Nam       |         |
| 38  | 12.6    | Hà Ánh Tuyết           | Nữ        |         |
| 39  | 12.6    | Vũ Thị Phương Uyên     | Nữ        |         |
| 40  | 12.6    | Đàm Triệu Vi           | Nữ        |         |
| 41  | 12.6    | Tô Trần Khánh Vy       | Nữ        |         |
| 42  | 12.6    | Thái Thị Thanh Xuân    | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                 | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|------------------------|-----------|---------|
| 1   | 12.7    | Thái Hoàng Tú Anh      | Nữ        |         |
| 2   | 12.7    | Lê Thị Vân Anh         | Nữ        |         |
| 3   | 12.7    | Lê Trọng Gia Bảo       | Nam       |         |
| 4   | 12.7    | Nguyễn Văn Bình        | Nam       |         |
| 5   | 12.7    | Nguyễn Tiến Duy        | Nam       |         |
| 6   | 12.7    | Phạm Vũ Duy            | Nam       |         |
| 7   | 12.7    | Phạm Kỳ Duyên          | Nữ        |         |
| 8   | 12.7    | Nguyễn Đình Thùy Dương | Nữ        |         |
| 9   | 12.7    | Nguyễn Hòa Dương       | Nữ        |         |
| 10  | 12.7    | Nguyễn Anh Đức         | Nam       |         |
| 11  | 12.7    | Nguyễn Anh Hào         | Nam       |         |
| 12  | 12.7    | Phạm Tấn Hào           | Nam       |         |
| 13  | 12.7    | Nguyễn Hoàn Nguyên Hạo | Nam       |         |
| 14  | 12.7    | Trần Nguyễn Quang Hùng | Nam       |         |
| 15  | 12.7    | Ngân Quang Khánh       | Nam       |         |
| 16  | 12.7    | Nguyễn Đăng Minh Khôi  | Nam       |         |
| 17  | 12.7    | Đỗ Trung Kiên          | Nam       |         |
| 18  | 12.7    | Trịnh Văn Gia Kiệt     | Nam       |         |
| 19  | 12.7    | Nguyễn Đào Hà Linh     | Nữ        |         |
| 20  | 12.7    | Hán Thị Thùy Linh      | Nữ        |         |
| 21  | 12.7    | Lê Minh Long           | Nam       |         |
| 22  | 12.7    | Hoàng Ngọc Hà My       | Nữ        |         |
| 23  | 12.7    | Phạm Nguyễn Yên My     | Nữ        |         |
| 24  | 12.7    | Nguyễn Trọng Nghĩa     | Nam       |         |
| 25  | 12.7    | Huỳnh Lê Bảo Ngọc      | Nữ        |         |
| 26  | 12.7    | Lương Thanh Ngọc       | Nữ        |         |
| 27  | 12.7    | Lê Trọng Nhân          | Nam       |         |
| 28  | 12.7    | Lê Minh Nhật           | Nam       |         |
| 29  | 12.7    | Nguyễn Lê Hồng Nhi     | Nữ        |         |
| 30  | 12.7    | Lê Phạm Yên Nhi        | Nữ        |         |
| 31  | 12.7    | Trần Phương Nhi        | Nữ        |         |
| 32  | 12.7    | Nguyễn Thị Bảo Nhi     | Nữ        |         |
| 33  | 12.7    | Lê Huỳnh Như           | Nữ        |         |
| 34  | 12.7    | Cao Đại Phát           | Nam       |         |
| 35  | 12.7    | Võ Hoàng Phát          | Nam       |         |
| 36  | 12.7    | Nguyễn Công Phúc       | Nam       |         |
| 37  | 12.7    | Lê Minh Thiện          | Nam       |         |
| 38  | 12.7    | Cao Thị Ngọc Thùy      | Nữ        |         |
| 39  | 12.7    | Phan Anh Thư           | Nữ        |         |
| 40  | 12.7    | Nguyễn Thái Bảo Trân   | Nữ        |         |
| 41  | 12.7    | Lê Bình Trị            | Nam       |         |
| 42  | 12.7    | Nguyễn Thuận Trường    | Nam       |         |
| 43  | 12.7    | Nguyễn Tất Tuấn        | Nam       |         |
| 44  | 12.7    | Nguyễn Võ Hoàng Vũ     | Nam       |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                  | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|-------------------------|-----------|---------|
| 1   | 12.8    | Đinh Nguyễn Hoàng Anh   | Nam       |         |
| 2   | 12.8    | Bùi Nhật Anh            | Nam       |         |
| 3   | 12.8    | Nguyễn Thị Vân Anh      | Nữ        |         |
| 4   | 12.8    | Lê Trần Gia Bảo         | Nam       |         |
| 5   | 12.8    | Bùi Bảo Châu            | Nữ        |         |
| 6   | 12.8    | Vũ Tiến Đạt             | Nam       |         |
| 7   | 12.8    | Vũ Thu Hằng             | Nữ        |         |
| 8   | 12.8    | Nguyễn Đoàn Gia Hiệp    | Nam       |         |
| 9   | 12.8    | Nguyễn Khánh Huy        | Nam       |         |
| 10  | 12.8    | Đinh Nguyễn Quang Khánh | Nam       |         |
| 11  | 12.8    | Đỗ Phạm Nam Khánh       | Nam       |         |
| 12  | 12.8    | Thượng Anh Khoa         | Nam       |         |
| 13  | 12.8    | Đặng Nguyễn Anh Khoa    | Nam       |         |
| 14  | 12.8    | Phạm Hoàng Khương       | Nam       |         |
| 15  | 12.8    | Trần Anh Kiệt           | Nam       |         |
| 16  | 12.8    | Trần Tuấn Kiệt          | Nam       |         |
| 17  | 12.8    | Huỳnh Nguyễn Thiên Kim  | Nữ        |         |
| 18  | 12.8    | Nguyễn Hoàng Thiên Kỳ   | Nam       |         |
| 19  | 12.8    | Vương Đoàn Tuyết Linh   | Nữ        |         |
| 20  | 12.8    | Nguyễn Khánh Linh       | Nữ        |         |
| 21  | 12.8    | Nguyễn Phan Phương Linh | Nữ        |         |
| 22  | 12.8    | Trần Đức Long           | Nam       |         |
| 23  | 12.8    | Nguyễn Nhật Minh        | Nam       |         |
| 24  | 12.8    | Huỳnh Đoàn Trúc My      | Nữ        |         |
| 25  | 12.8    | Đinh Nguyễn Trà My      | Nữ        |         |
| 26  | 12.8    | Phan Thị Xuân Ngân      | Nữ        |         |
| 27  | 12.8    | Nguyễn Bảo Ngọc         | Nữ        |         |
| 28  | 12.8    | Quách Doanh Nhân        | Nam       |         |
| 29  | 12.8    | Đào Ngọc Huỳnh Như      | Nữ        |         |
| 30  | 12.8    | Mai Thị Gia Như         | Nữ        |         |
| 31  | 12.8    | Bùi Thị Hoàng Oanh      | Nữ        |         |
| 32  | 12.8    | Nguyễn Hoàng Anh Phong  | Nam       |         |
| 33  | 12.8    | Trần Nhật Phong         | Nam       |         |
| 34  | 12.8    | Nguyễn Ngọc Lan Phương  | Nữ        |         |
| 35  | 12.8    | Nguyễn Thụy Trúc Phương | Nữ        |         |
| 36  | 12.8    | Trịnh Thị Như Quỳnh     | Nữ        |         |
| 37  | 12.8    | Nguyễn Hữu Sang         | Nam       |         |
| 38  | 12.8    | Lê Thị Anh Thơ          | Nữ        |         |
| 39  | 12.8    | Đặng Trần Anh Thư       | Nữ        |         |
| 40  | 12.8    | Lê Minh Trí             | Nam       |         |
| 41  | 12.8    | Phạm Anh Tú             | Nam       |         |
| 42  | 12.8    | Thái Thanh Tuấn         | Nam       |         |
| 43  | 12.8    | Lưu Huệ Tuyết           | Nữ        |         |
| 44  | 12.8    | Nguyễn Hải Vân          | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                 | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|------------------------|-----------|---------|
| 1   | 12.9    | Nguyễn Trần Tường An   | Nữ        |         |
| 2   | 12.9    | Lê Ngọc Anh            | Nữ        |         |
| 3   | 12.9    | Bùi Trâm Anh           | Nữ        |         |
| 4   | 12.9    | Lê Trần Thùy Anh       | Nữ        |         |
| 5   | 12.9    | Huỳnh Nguyễn Xuân Bình | Nữ        |         |
| 6   | 12.9    | Đỗ Phương Dung         | Nữ        |         |
| 7   | 12.9    | Phạm Phương Duy        | Nam       |         |
| 8   | 12.9    | Phan Mỹ Duyên          | Nữ        |         |
| 9   | 12.9    | Lê Công Đạt            | Nam       |         |
| 10  | 12.9    | Vũ Hương Giang         | Nữ        |         |
| 11  | 12.9    | Mai Thị Hà             | Nữ        |         |
| 12  | 12.9    | Văn Thị Thúy Hằng      | Nữ        |         |
| 13  | 12.9    | Nguyễn Thúy Hoàng      | Nữ        |         |
| 14  | 12.9    | Lê Hà Gia Huy          | Nam       |         |
| 15  | 12.9    | Huỳnh Lê Như Huyền     | Nữ        |         |
| 16  | 12.9    | Trần Ngọc Khôi         | Nam       |         |
| 17  | 12.9    | Tổng Khánh Linh        | Nữ        |         |
| 18  | 12.9    | Nguyễn Hữu Lộc         | Nam       |         |
| 19  | 12.9    | Dương Quang Minh       | Nam       |         |
| 20  | 12.9    | Nguyễn Lê Huyền My     | Nữ        |         |
| 21  | 12.9    | Phạm Trà My            | Nữ        |         |
| 22  | 12.9    | Văn Thụy Phương Ngân   | Nữ        |         |
| 23  | 12.9    | Trần Đông Nghi         | Nữ        |         |
| 24  | 12.9    | Nguyễn Bùi Như Ngọc    | Nữ        |         |
| 25  | 12.9    | Vũ Đoàn Như Ngọc       | Nữ        |         |
| 26  | 12.9    | Huỳnh Trâm Bảo Ngọc    | Nữ        |         |
| 27  | 12.9    | Vũ Trung Nguyên        | Nam       |         |
| 28  | 12.9    | Huỳnh Ngọc Tuyết Nhi   | Nữ        |         |
| 29  | 12.9    | Nguyễn Tuyết Nhung     | Nữ        |         |
| 30  | 12.9    | Phạm Yến Như           | Nữ        |         |
| 31  | 12.9    | Phạm Hoàng Quân        | Nam       |         |
| 32  | 12.9    | Nguyễn Thục Quyên      | Nữ        |         |
| 33  | 12.9    | Hán Xuân Sơn           | Nam       |         |
| 34  | 12.9    | Đỗ Ngọc Thạch          | Nam       |         |
| 35  | 12.9    | Nguyễn Thị Thanh Thảo  | Nữ        |         |
| 36  | 12.9    | Hà Thu Thủy            | Nữ        |         |
| 37  | 12.9    | Nguyễn Ngọc Minh Thư   | Nữ        |         |
| 38  | 12.9    | Vũ Ngọc Thủy Tiên      | Nữ        |         |
| 39  | 12.9    | Nguyễn Ngọc Xuân Tiên  | Nữ        |         |
| 40  | 12.9    | Kha Thị Mỹ Trinh       | Nữ        |         |
| 41  | 12.9    | Bùi Anh Vũ             | Nam       |         |
| 42  | 12.9    | Nguyễn Lan Vy          | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                 | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|------------------------|-----------|---------|
| 1   | 12.10   | Đặng Phương Anh        | Nữ        |         |
| 2   | 12.10   | Thượng Thị Huỳnh Châu  | Nữ        |         |
| 3   | 12.10   | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    | Nữ        |         |
| 4   | 12.10   | Nguyễn Ánh Dương       | Nữ        |         |
| 5   | 12.10   | Nguyễn Ngọc Đào        | Nữ        |         |
| 6   | 12.10   | Hứa Thục Đoan          | Nữ        |         |
| 7   | 12.10   | Lê Cao Gia Hân         | Nữ        |         |
| 8   | 12.10   | Nguyễn Thành Huy       | Nam       |         |
| 9   | 12.10   | Đỗ Nguyễn Quốc Khang   | Nam       |         |
| 10  | 12.10   | Nguyễn Thị Phương Linh | Nữ        |         |
| 11  | 12.10   | Bùi Thanh Long         | Nam       |         |
| 12  | 12.10   | Trần Thị Thanh Mai     | Nữ        |         |
| 13  | 12.10   | Võ Thị Diễm My         | Nữ        |         |
| 14  | 12.10   | Nguyễn Thị Hồng Ngân   | Nữ        |         |
| 15  | 12.10   | Nguyễn Võ Đông Nghi    | Nữ        |         |
| 16  | 12.10   | Nguyễn Đoàn Hoài Ngọc  | Nữ        |         |
| 17  | 12.10   | Trịnh Minh Ngọc        | Nữ        |         |
| 18  | 12.10   | Nguyễn Thanh Nguyên    | Nữ        |         |
| 19  | 12.10   | Trần Ngọc Yến Nhi      | Nữ        |         |
| 20  | 12.10   | Trần Văn Phú           | Nam       |         |
| 21  | 12.10   | Hà Phạm Gia Phúc       | Nam       |         |
| 22  | 12.10   | Đỗ Thanh Quyền         | Nữ        |         |
| 23  | 12.10   | Từ Tấn Tài             | Nam       |         |
| 24  | 12.10   | Nguyễn Trần Diệu Thanh | Nữ        |         |
| 25  | 12.10   | Nguyễn Thị Thu Thảo    | Nữ        |         |
| 26  | 12.10   | Nguyễn Hữu Thắng       | Nam       |         |
| 27  | 12.10   | Lường Hoàng Anh Thư    | Nữ        |         |
| 28  | 12.10   | Đặng Ngọc Thùy Tiên    | Nữ        |         |
| 29  | 12.10   | Đậu Thị Hương Trà      | Nữ        |         |
| 30  | 12.10   | Trần Ngọc Kim Trang    | Nữ        |         |
| 31  | 12.10   | Nguyễn Đặng Thùy Trâm  | Nữ        |         |
| 32  | 12.10   | Trần Thị Tú Trinh      | Nữ        |         |
| 33  | 12.10   | Đỗ Đức Trọng           | Nam       |         |
| 34  | 12.10   | Nguyễn Hoàng Trúc      | Nữ        |         |
| 35  | 12.10   | Đặng Thành Trung       | Nam       |         |
| 36  | 12.10   | Phan Quốc Tường        | Nam       |         |
| 37  | 12.10   | Nguyễn Hữu Minh Uyên   | Nữ        |         |
| 38  | 12.10   | Phạm Thị Huyền Vi      | Nữ        |         |
| 39  | 12.10   | Trần Ngô Quốc Việt     | Nam       |         |
| 40  | 12.10   | Trần Thị Tường Vy      | Nữ        |         |
| 41  | 12.10   | Trần Thị Hải Yến       | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                  | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|-------------------------|-----------|---------|
| 1   | 12.11   | Nguyễn Thị Thúy An      | Nữ        |         |
| 2   | 12.11   | Vũ Bá Hoàng Anh         | Nam       |         |
| 3   | 12.11   | Hà Minh Anh             | Nữ        |         |
| 4   | 12.11   | Trịnh Ngọc Phương Anh   | Nữ        |         |
| 5   | 12.11   | Bùi Thị Lan Anh         | Nữ        |         |
| 6   | 12.11   | Phan Thị Quỳnh Anh      | Nữ        |         |
| 7   | 12.11   | Lê Duy Bảo              | Nam       |         |
| 8   | 12.11   | Nguyễn Duy Cường        | Nam       |         |
| 9   | 12.11   | Bùi Minh Dũng           | Nam       |         |
| 10  | 12.11   | Nguyễn Thành Đạt        | Nam       |         |
| 11  | 12.11   | Lê Văn Huy              | Nam       |         |
| 12  | 12.11   | Lê Ngọc Phương Lâm      | Nữ        |         |
| 13  | 12.11   | Ngô Thị Hoài Linh       | Nữ        |         |
| 14  | 12.11   | Trần Thị Thùy Linh      | Nữ        |         |
| 15  | 12.11   | Lê Thị Trúc Linh        | Nữ        |         |
| 16  | 12.11   | Trịnh Gia Long          | Nam       |         |
| 17  | 12.11   | Nguyễn Xuân Mai         | Nữ        |         |
| 18  | 12.11   | Nguyễn Hoàng Khánh Minh | Nam       |         |
| 19  | 12.11   | Võ Kim Ngân             | Nữ        |         |
| 20  | 12.11   | Phan Ngọc Minh Nghi     | Nữ        |         |
| 21  | 12.11   | Nguyễn Thị Khánh Ngọc   | Nữ        |         |
| 22  | 12.11   | Nguyễn Thị Như Ngọc     | Nữ        |         |
| 23  | 12.11   | Huỳnh Thị Yến Ngọc      | Nữ        |         |
| 24  | 12.11   | Lê Đỗ Yến Nhi           | Nữ        |         |
| 25  | 12.11   | Lê Ngọc Trúc Nhiên      | Nữ        |         |
| 26  | 12.11   | Nguyễn Thái Phi Nhung   | Nữ        |         |
| 27  | 12.11   | Lê Thanh Quỳnh Như      | Nữ        |         |
| 28  | 12.11   | Đinh Công Phước         | Nam       |         |
| 29  | 12.11   | Lê Trúc Phương          | Nữ        |         |
| 30  | 12.11   | Trần Tuệ Thảo           | Nữ        |         |
| 31  | 12.11   | Nguyễn Thị Khánh Thụy   | Nữ        |         |
| 32  | 12.11   | Trương Khánh Thư        | Nữ        |         |
| 33  | 12.11   | Lê Quỳnh Cát Tiên       | Nữ        |         |
| 34  | 12.11   | Phạm Thị Thùy Trang     | Nữ        |         |
| 35  | 12.11   | Phan Nguyễn Quý Trọng   | Nam       |         |
| 36  | 12.11   | Trần Thái Tú            | Nam       |         |
| 37  | 12.11   | Nguyễn Lê Tú Uyên       | Nữ        |         |
| 38  | 12.11   | Bùi Thị Thảo Uyên       | Nữ        |         |
| 39  | 12.11   | Nguyễn Thảo Vi          | Nữ        |         |
| 40  | 12.11   | Phạm Phương Vy          | Nữ        |         |
| 41  | 12.11   | Nguyễn Võ Tường Vy      | Nữ        |         |
| 42  | 12.11   | Đinh Thị Hải Yến        | Nữ        |         |

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

| STT | Lớp học | Họ tên                 | Giới tính | Ghi chú |
|-----|---------|------------------------|-----------|---------|
| 1   | 12.12   | Nguyễn Quốc An         | Nam       |         |
| 2   | 12.12   | Lê Hoàng Anh           | Nam       |         |
| 3   | 12.12   | Hoàng Quốc Anh         | Nam       |         |
| 4   | 12.12   | Nguyễn Hoàng Mỹ Duyên  | Nữ        |         |
| 5   | 12.12   | Nguyễn Chí Dũng        | Nam       |         |
| 6   | 12.12   | Ngô Đạo Tùng Dương     | Nam       |         |
| 7   | 12.12   | Phạm Thị Ngọc Giàu     | Nữ        |         |
| 8   | 12.12   | Phan Thị Thu Hà        | Nữ        |         |
| 9   | 12.12   | Nguyễn Dương Thùy Lâm  | Nữ        |         |
| 10  | 12.12   | Lê Phương Linh         | Nữ        |         |
| 11  | 12.12   | Phạm Thị Thùy Linh     | Nữ        |         |
| 12  | 12.12   | Nguyễn Thái Phương My  | Nữ        |         |
| 13  | 12.12   | Hoàng Thị Ngọc Mỹ      | Nữ        |         |
| 14  | 12.12   | Đặng Công Đức Nam      | Nam       |         |
| 15  | 12.12   | Lê Vũ Hồng Ngân        | Nữ        |         |
| 16  | 12.12   | Đỗ Thị Ánh Ngọc        | Nữ        |         |
| 17  | 12.12   | Bá Thị Thanh Ngọc      | Nữ        |         |
| 18  | 12.12   | Huỳnh Lê Thanh Nhi     | Nữ        |         |
| 19  | 12.12   | Đinh Hồng Phát         | Nam       |         |
| 20  | 12.12   | Ngô Hà Phương          | Nữ        |         |
| 21  | 12.12   | Nguyễn Phương Thảo     | Nữ        |         |
| 22  | 12.12   | Nguyễn Thanh Thảo      | Nữ        |         |
| 23  | 12.12   | Phan Thị Hồng Thơ      | Nữ        |         |
| 24  | 12.12   | Lê Thanh Thúy          | Nữ        |         |
| 25  | 12.12   | Trần Anh Thư           | Nữ        |         |
| 26  | 12.12   | Nguyễn Mai Trang       | Nữ        |         |
| 27  | 12.12   | Tổng Bảo Trâm          | Nữ        |         |
| 28  | 12.12   | Phan Huỳnh Trâm        | Nữ        |         |
| 29  | 12.12   | Bùi Thị Bích Trâm      | Nữ        |         |
| 30  | 12.12   | Hồ Hoàng Trân          | Nữ        |         |
| 31  | 12.12   | Trương Nguyễn Bảo Trân | Nữ        |         |
| 32  | 12.12   | Nguyễn Thị Thanh Tú    | Nữ        |         |
| 33  | 12.12   | Nguyễn Hoàng Duy Uyên  | Nữ        |         |
| 34  | 12.12   | Nguyễn Ngọc Minh Uyên  | Nữ        |         |
| 35  | 12.12   | Nguyễn Hoàng Lê Vy     | Nữ        |         |
| 36  | 12.12   | Lê Ngọc Khánh Vy       | Nữ        |         |